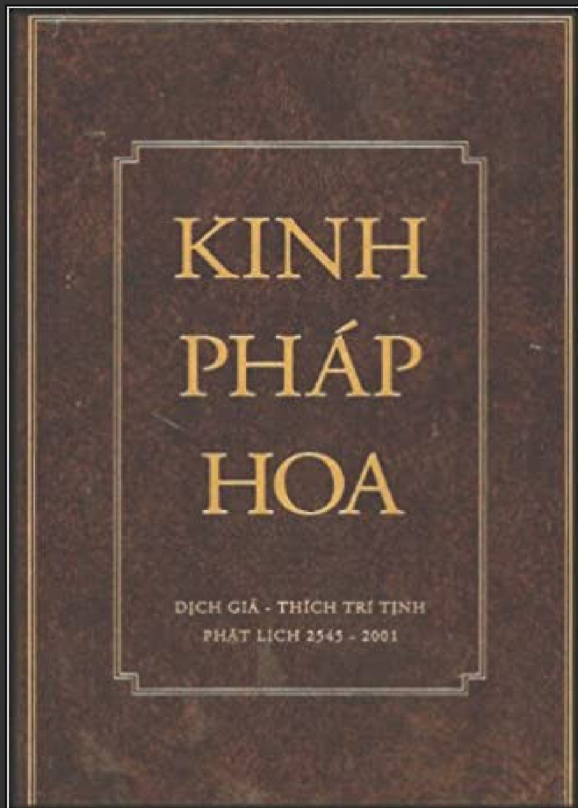
GIẢNG GIẢI KINH PHÁP HOA

Thứ Hai, 18 tháng 10, 2021

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải

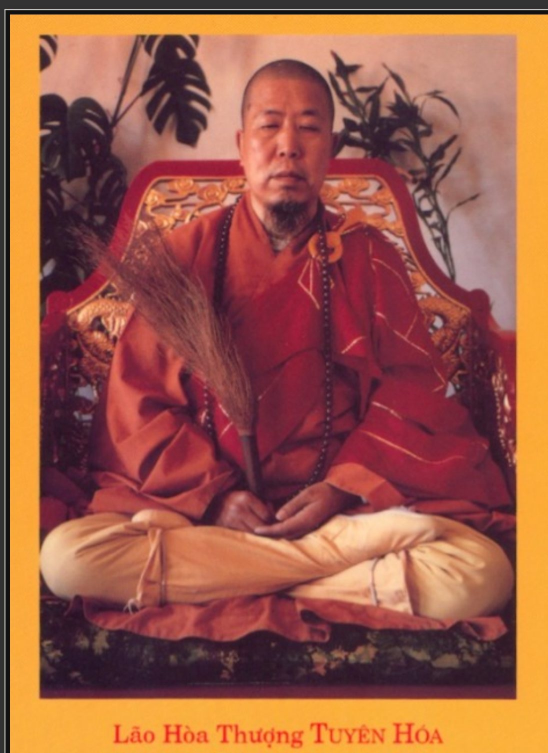




01 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải	Hòa Thượng Tuyên Hóa (Phần 01)	06:27:58
02 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải	Hòa Thượng Tuyên Hóa (Phần 02)	06:33:25
03 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải	Hòa Thượng Tuyên Hóa (Phần 03)	06:10:42
04 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải	Hòa Thượng Tuyên Hóa (Phần 04)	06:10:08
05 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải	Hòa Thượng Tuyên Hóa (Phần 05)	08:55:37
06 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải	Hòa Thượng Tuyên Hóa (Phần 06)	09:32:30

Kinh Pháp Hoa Trọn Bộ Giảng Giải (➔ Tải MP3)

Download kinh hoa nghiêm trọn bộ mp3 **(2.79 GB)**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

- Trang chủ
- KINH PHÁP HOA - PHẨM TỰA
- Kinh Pháp Hoa - Phẩm Phương Tiện
- Kinh Pháp Hoa - Phẩm Thí Dụ
- Kinh Pháp Hoa - Phẩm Tin Hiểu
- Phẩm Dược Thảo Dụ
- Kinh Pháp Hoa - Phẩm Thọ Ký
- Phẩm Hóa Thành Dụ
- Phẩm Thọ Ký Cho Năm Trăm Vị Đệ Tử
- Phẩm Thọ Ký Cho Bậc Hữu Học và Vô Học
- Phẩm Pháp Sư
- Phẩm Thấy Bảo Tháp
- Phẩm Đề Bà Đạt Đa
- Phẩm Khuyên Trì
- Phẩm An Lạc Hạnh
- Phẩm Từ Dưới Đất Vọt Lên
- Phẩm Thọ Lượng Của Như Lai
- Phẩm Phân Biệt Công Đức
- Phẩm Tùy Hỷ Công Đức
- Phẩm Công Đức Pháp Sư
- Phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh
- Phẩm Thần Lực Của Như Lai
- Phẩm Chúc Lũy
- Phẩm Bổn Sự Của Bồ Tát Dược Vương
- Phẩm Bồ Tát Diệu Âm
- Phẩm Phổ Môn Bồ Tát Quán Thế Âm
- Phẩm Đà La Ni
- Phẩm Bổn Sự Của Bồ Tát Vua Diệu Trang Nghiêm
- Phẩm Khuyến Phát Của Bồ Tát Phổ Hiền

➔ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa .PDF

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm

Kinh Pháp Hoa :

Gảng Giải : Hòa Thượng Tuyên Hóa

phụng chiếu dịch

Diêu Tần Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

kinh phap hoa.MP3, kinhphaphoa.mp3, Kinh Pháp Hoa.PDF, KINH PHAP HOA MP3.



Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm

phụng chiếu dịch

Diêu Tần Tam tạng Pháp sư *Cưu Ma La Thập*

Giảng Giải:

Hoà Thượng Tuyên Hoá

— o0o —

Giải Thích Tên Kinh

“Diệu”, đối với chữ diệu nầy, chúng ta phải cần một phen, hạ khổ công phu để nghiên cứu. “Diệu” tức là huyền diệu, vi diệu, thâm áo không thể dò. Ngài Trí Giả Đại Sư, chỉ nói về một chữ diệu, mà phải mất thời gian chín mươi ngày, tập thành một bộ Pháp Hoa Huyền, là một bộ Kinh quan trọng trong ba bộ Kinh lớn của tông Thiên Thai. Đó là, chỉ nói một chữ diệu, mà phải mất ba tháng mới nói xong, bạn nói có diệu chăng!

Trước khi, giảng bất cứ bộ Kinh gì, thì trước hết giảng về “thất chủng lập đề” (bảy loại làm tên Kinh) và “ngũ trùng huyền nghĩa” (năm tầng nghĩa huyền diệu), đó là quy tắt giảng Kinh của tông Thiên Thai.

Bảy loại làm tên Kinh là: Đơn có ba, kép có ba, đầy đủ có một. Trước hết nói về đơn có ba, tức là người, pháp và dụ.

Thứ nhất là đơn nhân (người) lập đề, ví như “Phật Nói Kinh A Di Đà.” Phật là người, A Di Đà cũng là người, cho nên gọi là đơn nhân (người) lập đề, chỉ dùng một người để đại biểu tên của một bộ Kinh. Vì Kinh A Di Đà nầy là nói về pháp môn Tịnh Độ, nói về thế giới Cực Lạc, của Phật A Di Đà. Tại sao có thế giới Cực Lạc? Vì khi Phật A Di Đà, tại nhân địa làm Tỳ Kheo Pháp Tạng, thì phát bốn mươi tám đại nguyện. Những nguyện nầy nguyện nào cũng độ tất cả chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ thành Phật. Cho nên, bộ Kinh nầy dùng Đức Phật A Di Đà, để đại biểu tên của bộ Kinh nầy.

Khi Phật Pháp đến thời kỳ diệt vong, thì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh mất đi trước hết, vì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh chánh nhân thành Phật, tức tốc chứng quả liễu nghĩa, chúng sinh nghiệp chuyển nặng, cho nên mất đi trước nhất. Cũng có thể nói là, vì kinh Lăng Nghiêm nói quá tỉ mỉ, về đạo lý vạn sự vạn vật của thế gian, có thể nói là, tiết lậu bí mật của trời đất. Do đó, đến thời kỳ mạt pháp, thì Kinh Lăng Nghiêm bị tiêu diệt đi trước nhất, những Kinh khác cũng theo đó tiếp tục bị diệt; cuối cùng chỉ còn lại Kinh A Di Đà, lưu lại thế giới nầy một trăm năm, cho nên Kinh A Di Đà, là Kinh mất đi sau cùng. Đến lúc Kinh A Di Đà cũng chẳng còn nữa, thì còn lại sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”, lưu lại trên thế gian nầy một trăm năm, sau đó, sáu chữ diệt mất đi hai chữ, chỉ còn lại “A Di

Đà Phật" bốn chữ, lại tồn tại trên thế gian nầy một trăm năm. Cuối cùng, Phật Pháp trên thế gian sẽ hoàn toàn diệt hết. Lúc đó, tam tai bát nạn, tất cả tai hại sẽ xảy đến, thì thế giới nầy theo đó mà huỷ diệt.

Do đó, chúng ta nên đặc biệt chú ý về Kinh A Di Đà. Vì thời đại mạt pháp thì pháp môn Tịnh Độ, sẽ hợp cơ nhất đối với tất cả mọi người. Nhưng thời đại mạc pháp cũng có chánh pháp tồn tại. Giống như nước Mỹ chúng ta đang ở, trước kia chưa hề nghe qua Phật Pháp, bây giờ khắp nơi đều nghe nói về Phật Pháp. Đó là Phật Pháp mới truyền vào nước nầy, cho nên bây giờ có rất nhiều người Mỹ thích ngồi Thiền, thích nghiên cứu Phật Pháp, mở ra mùi gió chánh pháp của Phật Giáo.

Kinh A Di Đà là đơn nhân (người) làm tên Kinh, còn đơn pháp làm tên Kinh là Kinh gì? Là Kinh Niết Bàn. Niết là "không sinh", Bàn là "không diệt"; không sinh không diệt, chẳng có pháp sinh diệt, đó là đơn pháp làm tên Kinh.

Đơn dụ làm tên Kinh là Kinh Phạm Võng. Phạm Võng là một tấm lưới La Tràng, ở trước cung điện của trời Đại Phạm Thiên. Lưới La Tràng nầy, hình thù tròn rỗng, bốn mặt có lỗ, cho nên gọi là lưới, giống như lưới đánh cá, dùng để trang nghiêm. Đại Phạm Thiên Vương thích trang trí cung điện của mình, cho trang nghiêm đẹp đẽ, cho nên treo lưới La Tràng. Mỗi lỗ của tấm lưới đều có hạt châu, hạt châu nầy phóng ra ánh sáng, cho nên gọi là dạ minh châu, ban ngày cũng phóng ánh sáng, ban đêm cũng phóng ánh sáng. Mỗi hạt châu phóng vào mỗi lỗ, cho nên quang minh chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, ánh sáng với ánh sáng chiếu soi lẫn nhau, lỗ và lỗ thông đạt với nhau, đó gọi là Phạm Võng. Kinh Phạm Võng tức là phẩm Bồ Tát giới. Tại sao Bồ Tát giới dùng Phạm Võng để đại biểu làm tên Kinh? Vì giới giống như hạt châu phóng quang. Bạn giữ giới thanh tịnh, thì có quang minh. Ở trên đã nói qua đơn có ba: Người, pháp, dụ làm tên Kinh.

Kép có ba: Người (nhân) và pháp làm tên Kinh, người và dụ làm tên Kinh, pháp và dụ làm tên Kinh. Người và pháp làm tên Kinh tức là Kinh Văn Thù Hỏi Bát Nhã. Bồ Tát Văn Thù là người, Bát Nhã là pháp. Bồ Tát Văn Thù là Bồ Tát đại trí huệ. Ngài hỏi về Bát Nhã. Bát Nhã là pháp trí huệ, người có trí huệ mới hỏi được. Bộ Kinh nầy dùng người và pháp để làm tên Kinh.

Người và dụ làm tên Kinh là Kinh Như Lai Sư Tử Hống. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Pháp của Như Lai nói giống như tiếng hống của sư tử, khi sư tử hống thì trăm loài thú đều sợ hãi, bất cứ là sài, lang, hổ, báo, ác thú gì cũng đều sợ hãi. Kinh Như Lai Sư Tử Hống là người và dụ làm tên Kinh.

Dùng pháp và dụ làm tên Kinh, là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là dụ; dùng diệu pháp chi phối liên hoa, làm đề mục cho bộ Kinh nầy. Cho nên, bộ Kinh nầy dùng pháp và dụ làm tên Kinh, thuộc vào một trong ba loại kép.

Đầy đủ có một, là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Phương là phương pháp cũng là Phật Pháp, Đại Phương Quảng ba chữ nầy giải thích đơn giản là: Phật Pháp sâu như biển cả, rộng lớn như hư không chẳng có bờ mé. Phật là người, Hoa Nghiêm là ví dụ. Hoa thì có hương thơm, đại biểu đức tính viên mãn và công đức tu hành, để trang nghiêm mười thân của Phật, cho nên bộ Kinh nầy dùng: người, pháp, dụ ba loại đầy đủ hoàn toàn để làm tên Kinh.

Người nghiên cứu Phật Pháp, nên nhớ bảy loại làm tên Kinh (thất chủng lập đề), để có thể tuỳ thời giảng Kinh. Nếu không hiểu bảy loại làm tên Kinh, thì bạn chẳng phải là người nghiên cứu Phật Pháp. Trong Đại Tạng Kinh có rất nhiều loại, Kinh điển cũng có mấy ngàn quyển, nhưng không ra ngoài bảy loại làm tên Kinh nầy. Cho nên, khi xem Kinh điển thì biết bộ Kinh đó dùng gì để làm đề mục. Nhận thức được lập đề rồi, thì sau đó tự nhiên sẽ đi sâu vào Tạng Kinh, trí huệ như biển. Nếu tên Kinh không biết rõ ràng, ví như gì gọi là Kinh Niết Bàn? bạn nói không hiểu, nội tên Kinh Niết Bàn đã không hiểu, vậy bạn xem Kinh Niết Bàn lại có ích gì? Nếu không nhận thức được tên Kinh, thì chẳng thể đi sâu vào Tạng Kinh, cũng chẳng được trí huệ như biển; không được trí huệ như biển, thì bạn một đời học Phật Pháp vẫn tối tăm mù mịt. Cho nên bảy loại làm tên Kinh nầy rất quan trọng.

Nếu ai cũng nhận thức được bảy loại làm tên Kinh, thì có thể nghiên cứu Phật Pháp. Còn có năm tầng nghĩa huyền diệu (ngũ trùng huyền nghĩa). Năm tầng nghĩa huyền diệu là:

1. Giải thích tên Kinh.
2. Giảng giải thể Kinh.
3. Nói rõ tông chỉ.
4. Luận về dụng đồ.
5. Biết rõ giáo tướng.

Tên là bộ Kinh nầy dùng gì làm tên? Thể là pháp thể của bộ Kinh nầy là gì? Biết được pháp thể rồi, thì phải biết tông chỉ của Kinh nói gì? Biết tông chỉ rồi, còn phải biết dụng đồ của Kinh, biết dụng đồ rồi, còn phải biết giáo tướng. Tại sao? Giống như, chúng ta trước hết phải có tên, như Trương Tam, Lý Tứ, mỗi người đều có tên của họ. Biết được tên Trương Tam, thì sẽ biết thân thể lớn cỡ nào? cao bao nhiêu? nặng bao nhiêu? thân thể của y ra sao? mạnh khoẻ hay không mạnh khoẻ? dùng gì để sinh sống? đi học hay đi làm? Trong các nghề: sĩ, nông, công, thương, y làm nghề gì? Nếu y đi học thì lấy sự đi học làm tông chỉ, đi học xong lại giúp được gì? Phải chăng đi ngủ? chẳng phải, học xong thì y sẽ phát triển dụng đồ của y.

Học về khoa học thì phát triển về khoa học, học triết lý thì phát triển về triết lý, mỗi môn đều có chỗ dụng của nó. Kinh cũng như thế, biết được dụng đồ của Kinh, thì đề mục và tông chỉ cũng biết được, cứu kính thân phận là gì? Ví như thầy giáo, giám đốc. Nói tóm lại mỗi người đều có thân phận của mỗi người, đó là phán rõ sự thành tựu tương lai của họ. Kinh cũng như thế, bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy, dùng pháp và dụ trong bảy loại làm tên Kinh để làm đề Kinh.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ở trong năm tầng nghĩa lý huyền diệu, thì huyền nghĩa thứ nhất là giải thích tên Kinh. Bộ Kinh nầy dùng Diệu Pháp Liên Hoa làm tên. Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là ví dụ, vì Phật Pháp vi diệu thâm

sâu, một số người không dễ gì hiểu nổi, cho nên dùng liên hoa (hoa sen) để ví dụ, do đó bộ Kinh nầy lấy pháp và dụ làm tên.

Cứu kính thì diệu pháp là gì? diệu đến cỡ nào? tốt đến cỡ nào? Nay tôi nói cho bạn biết, sự diệu nầy không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời bàn luận, không thể dùng tâm để dò, nghĩ cũng nghĩ không hiểu nổi; nghĩ muốn hiểu biết thì nói không đến được sự diệu của nó. Tức nhiên nghĩ không hiểu biết, vậy không cần nói, có nói cũng không ra! Song, không thể không nói, nói không ra tức là diệu. Nói không ra vẫn phải nói, sự nói chẳng phải diệu mà là hình dung sự diệu và tư tưởng diễn nói sự diệu nầy.

Cứu kính, ý nghĩa thật sự về diệu là gì? Đó chỉ có Phật với Phật mới thấu rõ cảnh giới thâm sâu nầy. Nay giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chỉ giảng chút ít mà thôi. Song, sự chút ít nầy không biết phải giảng bao nhiêu ngày. Vì chữ diệu nầy Ngài Trí Giả Đại Sư củ tông Thiên Thai, giảng mất chín chục ngày, cũng chưa giảng xong chữ diệu, chỉ giảng một phần nhỏ. Năm nay (1968) vào mùa hè tôi giảng chín mươi sáu ngày mới xong bộ Kinh Lăng Nghiêm, thật có thể nói nhanh như ngồi hoả tiễn đi thám hiểm mặt trăng. Vì tôi đã từng giảng Kinh Lăng Nghiêm ở tại Hương Cảng phải mất mười bốn tháng mới giảng xong.

Trước hết chúng ta giảng về chữ diệu, chữ diệu nầy cứu kính phải giảng bao nhiêu ngày? Hiện tại cũng không cách chi biết trước được, giảng được mấy ngày thì hay mấy ngày. Trước hết phải nói về diệu. Gì là diệu? Diệu pháp tức là diệu, chúng sinh cũng là diệu, Phật cũng là diệu, trong trời đất hết thảy tất cả, chẳng có gì mà không diệu, gì cũng đều là diệu. Cho nên chữ diệu nầy giảng ra thì vô cùng vô tận. Đây cũng là diệu, đó cũng là diệu, diệu cứu kính từ đâu đến? Từ tâm mà đến.

Làm thế nào bạn biết là diệu pháp? Vì bạn có tâm, cho nên tâm pháp diệu, kế đến chúng sinh pháp diệu, sau đến Phật pháp diệu.

Tâm pháp diệu như thế nào? Tất cả sơn hà đại địa, sâm la vạn tượng, nhà cửa phòng xá, hết thảy vạn vật từ đâu đến? Đều từ một tâm niệm hiện tiền của mỗi người sinh ra, từ trong tâm của chúng sinh sinh ra. Làm thế nào sinh ra? Bạn sẽ nói:"Không biết!" Đó là diệu. Biết hay không biết đều là diệu. Tại sao bạn biết? và tại sao bạn không biết? đó chẳng phải là diệu sao? đây tức là tâm pháp diệu.

Tâm pháp diệu, tâm diệu như thế nào? Tâm của con người đều là một không hai. Có người chỉ trước ngực nói:"Tâm của tôi ở đây". Chân tâm của bạn ở đâu? Bạn đã nhận lầm tâm của bạn rồi! Là nhận giặc làm con! Giống như Tôn Giả A Nan, trong Kinh Lăng Nghiêm. Tôn Giả A Nan nói:"Tâm ở trong." Tức là chỉ quả tim bằng thịt, quả tim nầy vô dụng. Sao lại nói nó là vô dụng? Vì nó chỉ là cục thịt. Đó là do tụ tập nhiều phiền não mà sinh ra quả tim; lại gọi là tâm duyên lự, năng lực phan duyên tư lự giúp cho bạn khởi vọng tưởng. Thức thứ sáu cũng gọi là tâm tập khởi, là quả tim trợ giúp cho bạn khởi vọng tưởng và sinh tâm tạp niệm, tâm duyên lự, tâm tập khởi .v .v . Tâm nầy có rất nhiều tên gọi. Do đó, tâm pháp mà tôi nói, bạn đừng cho rằng đó là quả tim bằng thịt. Vậy riêng ngoài tôi còn có tâm chăng? Bạn không biết phải chăng? Hãy xem đó có phải là diệu chăng? Cho đến mình có tâm mà bạn còn chẳng biết, tức nhiên cho đến tâm cũng chẳng biết, cho đến sinh mạng mà bạn cũng chẳng biết rõ!

Khi sinh ra thì hồ đồ, chết đi cũng hồ đồ, từ đâu đến cũng chẳng biết, đó là diệu! Khi chết cũng hồ đồ ra đi, chẳng biết đi về đâu, đó cũng là diệu; khi sinh ra và chết đi đều không biết, đó cũng là diệu! Vậy khi còn sống chẳng phải là diệu chăng? Đây lại càng diệu! Sao lại càng diệu hơn? Ví như, lúc bạn còn bé nhỏ, trong sự bất tri bất giác thì lớn lên, sau lại trưởng thành người lớn; thành người lớn rồi cũng không biết sao lại biến thành người già. Bạn nói đó có diệu chăng? Không những biến thành người già, mà bạn còn sinh con đẻ cái nuôi dưỡng chúng. Nếu chẳng phải diệu, sao bất tri bất giác thì có nhiều sự biến hoá như thế? Đó là diệu pháp. Bây giờ giảng diệu pháp nầy ra, thì bạn cảm thấy có chút ý nghĩa, giống như việc ở trên vừa nói, nhưng khi chưa nói ra thì bạn vốn chẳng biết đó là diệu pháp.

Diệu pháp tức là trong sự bất tri bất giác của bạn sinh ra một thứ tác dụng. Những gì bạn thấy trước mắt đều là diệu. Tại sao? Sao bạn nhìn thấy được? Nếu không diệu thì bạn nhìn chẳng thấy. Vậy nhìn không thấy thì chẳng phải diệu chăng? Nhìn không thấy lại càng diệu. Nhìn thấy và nhìn không thấy đều là diệu, nghe được và nghe không được cũng là diệu.

Cho nên trước mắt nhìn thấy được, không những là nhìn thấy; làm sao nhìn thấy được? Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói:"Ai nhìn thấy được? Ai cùng với bạn nhìn thấy?" Bạn nói đó có diệu chăng? Tại sao gần thì bạn nhìn thấy được? còn xa thì bạn nhìn chẳng thấy? Đó đều là diệu. Khi bạn nhìn thấy màu vàng, thì có tác dụng màu vàng, bạn nhìn thấy màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen thì những thứ nầy ở trong tám thức của bạn, sinh ra dạng của nó. Sao lại sinh khởi ra? Ai kêu bạn sinh ra thứ hình bóng đó? đó có diệu chăng?

Nghe cũng như thế. Tại sao có âm thanh bạn thích nghe, có âm thanh bạn chẳng thích nghe? Ai kêu bạn thích và không thích nghe? Chẳng có ai! Tại sao mình lại sinh ra tâm thích và ghét? Thấy sắc đẹp thì sinh tâm ưa thích, thấy nhan sắc không đẹp thì sinh tâm ghét chán. Do ai kêu bạn? Bạn nói "tôi không biết, chỉ là nghĩ như vậy". Nghĩ như vậy tức là diệu. Hết thảy tất cả đều là diệu; đó là tâm pháp diệu; do trong tâm sinh ra thiên biến vạn hoá. Nếu không diệu sao lại sinh ra đủ thứ biến hoá?

Diệu quá nhiều, nếu muốn nói thì dù nói mấy trăm năm, cũng nói chẳng xong sự diệu nầy. Nếu nói xong thì chẳng phải diệu. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, đều không ra ngoài chữ diệu nầy. Cho nên, chữ diệu nầy bao quát Tam Tạng mười hai bộ Kinh, bao quát tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp không vượt ra chữ diệu nầy. Cho nên Ngài Trí Giả Đại Sư giảng đến chín mươi ngày, dù giảng chín mươi năm, cũng giảng không xong chữ diệu nầy. Vậy nói đến Kinh Pháp Hoa, chắc suốt đời nầy cũng không được nghe, cũng chẳng có cơ hội nghe hết được, chín mươi năm cũng nói chẳng xong một chữ diệu, vậy thử hỏi Kinh văn chẳng biết giảng bao lâu mới xong? Đừng sợ, thời đại hiện nay tất cả sự việc đều nói cho nhanh. Giảng Kinh mau là diệu, giảng chậm cũng là diệu. Tức nhiên, Đức Phật giảng Kinh cũng chẳng vượt ra sự diệu nầy,

hiện tại tôi giảng Kinh sao lại kìa khỏi sự diệu nầy? Lìa khỏi sự diệu nầy thì chẳng diệu, lìa không khỏi tức là diệu.

Pháp tuy nhiên là diệu, muốn biết diệu pháp thì trước hết phải buông xả sự diệu. Buông chẳng đặng là diệu, nhưng buông xả đặng thì mới là thật diệu; nếu không tin thì bạn hãy thử buông xả thân tâm. Trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới; người không, pháp cũng không, tất cả đều không. Bạn nói đó chẳng phải là diệu chăng? Sự diệu nầy, nếu buông xả thân tâm đặng, thì mới đắc được sự diệu chân chánh của tự tánh vốn có. Nếu bạn trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới, song chẳng lìa khỏi thân tâm thế giới. Đây chẳng phải nói lìa khỏi thân tâm nầy của ta, lìa khỏi thế giới nầy, mới không có thân tâm thế giới; mà là tại thân tâm nầy, tại thế giới nầy mà chẳng có.

“Mắt thất hình sắc chẳng dính mắc,
Tai nghe âm thanh tâm chẳng hay”.

Đó là cảnh giới sớm sẽ đạt được, trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới. Đây là việc chẳng dễ dàng, cho nên mới diệu. Dễ cũng là diệu, không dễ cũng là diệu, tất cả hết thảy đều diệu, thảy đều không vượt ra ngoài diệu pháp nầy. Cho nên, chữ diệu nầy chẳng có cách chi giảng xong được.

Vì diệu không dễ gì nói, cho nên là diệu. Không dễ dì nói, bây giờ cũng phải nói, cũng là diệu. Nói tóm lại, Diệu! Diệu! Diệu! Tất cả đều diệu. Đây lại có dụng gì? Bạn hỏi vấn đề nầy, đó mới là thật diệu.

Tu hành, tham thiền, đả toạ, là đi tìm sự diệu nầy. Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm tại núi Tuyết, là tìm cầu sự diệu nầy. Tất cả Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, cũng là tìm cầu sự diệu nầy. Các bậc A La Hán buông xả tất cả, cũng là đi tìm sự diệu nầy. Tất cả phàm phu, Thánh nhân muốn tu hành, cũng vì tìm cầu sự diệu nầy. Cho nên thành được quả vị Phật cũng gọi là diệu. Là diệu gì? là Diệu Giác. Bồ Tát là Đẳng Giác, chưa đạt được Diệu Giác. Cho nên hiện tại trước hết phải hiểu sự diệu nầy.

Diệu có hữu dụng gì? Chẳng có hữu dụng gì, song, gì cũng đều cần nó. Sự diệu nầy, phải nói rằng là đại dụng của nó, đại tạo hoá, trời đất vạn vật, hết thảy tất cả đều từ diệu nầy mà sinh ra. Cho nên đừng cho rằng nhờ Thiên Chúa, Địa Chúa, Nhân Chúa sáng tạo thế giới nầy. Kỳ thật, tất cả đều từ diệu nầy sinh ra. Chữ diệu nầy cũng chỉ có Phật mới có thể cán đán được. Phật tánh vốn có của chúng ta, là diệu giác Phật tánh. Có lối minh bạch chữ diệu nầy, thì bảo sao mà dễ thế! Nếu bạn minh bạch quá dễ dàng chữ diệu nầy, thì nói chẳng phải diệu chăng? chẳng phải. Nếu bạn minh bạch chữ diệu nầy quá để dàng, thì đó là càng diệu. Tại sao? Vì bạn chẳng phí sức thì đã minh bạch, đó chẳng phải là diệu chăng? Bạn phí rất nhiều công phu mới minh bạch, đây lại càng diệu. Cho nên, giảng như thế nào cũng đều diệu, đầu đầu thị đạo.

Bạn nói trước mắt những gì chẳng phải diệu? Đèn, bàn ghế, tất cả đều là biểu hiện của diệu pháp. Nếu bạn minh bạch được diệu pháp nầy, thì tất cả đều diệu; không minh bạch diệu pháp nầy, thì tất cả đều là thô. Bạn cảm thấy bạn đã minh bạch, nhưng thật ra bạn chưa minh bạch, nếu bạn nghiên cứu bổn thể của nó, thì đều từ một chữ diệu nầy mà sinh ra.

Mùa hè năm nay (1968), giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm mất hết chín mươi sáu ngày. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi ấm ma, những ấm ma nầy, đều siêu hơn thiên ma ngoại đạo hiện nay. Vì thần thông của năm mươi thứ ấm ma đó thật là lợi hại, có thứ trên đầu phóng quang, nếu quang minh của nó phóng trúng đầu của bạn, thì đầu của bạn cũng sẽ phóng quang. Nhưng những thứ thần thông nầy, đều là ma ở trong Phật giáo, hà huống ngoại đạo bây giờ, đều không thể phóng quang. Chúng sinh giống như con nhặng, bay loạn xạ đông tây nam bắc, bay tới bay lui, cũng chẳng tìm được lối thoát, đáng thương những người nầy theo người mù. Nếu như bạn nói bạn không biết, muốn cầu pháp thì hãy theo học với tôn giáo hiểu biết, một số người không hiểu biết, bèn dùng người mù dẫn người mù. Vì người hiểu biết và có trí huệ trên thế giới nầy rất ít, còn người không hiểu biết và ngu si thì rất nhiều. Người có trí huệ thì thích nghe chân lý, người chẳng có trí huệ thì thích nghe đạo lý của người mê muội .

Đạo lý của người mê là gì? Ví như họ nói người tu hành không cần đoạn dâm dục, có thể tuỳ tiện, vì nói như thế thì cho rằng nó là tốt. Chủ trương của Phật giáo là đoạn dâm dục, nếu không đoạn dâm dục mà tu hành, thì như trong Kinh Lăng Nghiêm có nói:”Như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn ức kiếp cũng chỉ là cát nóng”. Vì dục lạc không cứu kính của nhân gian và khoái lạc cứu kính xuất thế gian không thể nào dung hợp với nhau.

Còn có những người nghiên cứu tu tập ở trong Phật pháp, mà cứ thực hành trên miệng lưỡi, chứ chẳng thật tâm hành trì, chẳng y chiếu theo phương pháp của Phật dạy mà hành trì, đó chẳng khác gì là ma, cũng không thể liệt họ vào trong Phật giáo đồ. Giống như có những người thấy Phật mà chẳng lạy, họ nói họ tin Phật, thứ người nầy hậu quả tương lai không thể tưởng tượng được, cuối cùng sẽ đi vào đường súc sinh, ngạ quỷ hoặc rơi vào địa ngục, chẳng có ai dám bảo đảm. Tại sao? Vì học Phật pháp, thì phải y chiếu theo phương pháp Phật dạy mà thực hành. Nếu coi “cái ta” lớn hơn Phật thì thật là quá sai lầm! Người học Phật pháp, không những thấy Phật phải cung kính lễ lạy, mà gặp Bồ Tát cũng phải lạy Bồ Tát, thấy A La Hán cũng phải lạy A La Hán, thấy bậc đại thiện nhân, đại tu hành nên cung kính khâm phục họ, đừng nên cống cao ngã mạn, khinh khi, tự cao tự đại. Bất cứ, người nào học Phật pháp đều phải khiêm nhường, cung kính, hoà hợp.

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm thứ hai mươi nói về vị Bồ Tát Thường Bất Khinh. Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh nầy là tiền thân của Đức Phật, suốt một đời tu hành Bồ Tát đạo. Một đời Ngài chuyên môn hành Bồ Tát đạo “thường bất khinh” (thường không khinh khi ai). Ngài hành như thế nào? Ngài chuyên môn cung kính mười đại Nguyện Vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Mười đại Nguyện Vương là:

1. Lễ kính các Đức Phật: Tức là cung kính đảnh lễ chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, mười phương ba đời tất cả các đức Phật.

2. Khen ngợi Như Lai: Có người hỏi:”Phật cũng thích người khen ngợi chăng?” Không sai! Vì bạn thích khen ngợi Phật thì chính là thích khen ngợi chính mình. Nếu như bạn không muốn khen ngợi mình, thì đừng khen ngợi Phật. Phật và chúng sinh đều như nhau. Bạn nói:”Tôi là Phật, vậy tôi không cần lạy Phật”. Đó thì không đúng. Tự tánh của bạn là Phật, nhưng bạn chẳng tu hành, thì chưa chứng được Phật quả như Đức Phật. Nếu ai ai cũng đều là Phật, thì Đức Phật cần gì đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề bốn mươi chín ngày mới khai ngộ thành Phật.

Đức Phật trong quá khứ tu đủ thứ khổ hạnh, tu đủ thứ thiền định, tu đủ thứ Bát Nhã trí huệ, tu đủ thứ bố thí, giới luật, nhẫn nhục, tinh tấn và đủ thứ pháp môn. Đời nầy còn phải vào núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, phải phí rất nhiều thủ tục! Mà bạn trong vòng sáu ngày làm không xong, mà bạn cho bạn là Phật, thật là quá tiện nghi. Cho nên, có những người nói họ chính là Phật, thật là không biết hổ thẹn, không biết mắc cỡ. Trong khi đó, Đức Phật trong đời quá khứ đã từng làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, tức là vĩnh viễn luôn luôn không khinh thường bất cứ chúng sinh nào. Ngài thấy Phật thì lễ Phật, thấy Bồ Tát thì lễ Bồ Tát, thấy A La Hán thì lễ A La Hán, thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và tất cả mọi người cũng đều cung kính lễ lạy và nói:”Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật”.

Sự phát tâm ấy thật là chân thật, một chút hư giả cũng chẳng có, chân thật cung kính tất cả chúng sinh. Song, Ngài chiêu lại quả báo rất là thậm tệ, vì có những vị Tỳ Kheo kiêu mạn nói:”Ông Tỳ Kheo nầy chẳng hiểu Phật pháp, thọ ký bậy bạ cho người ta”. Do đó, Ngài bị đánh, khi Ngài lạy xuống thì bị họ đá Ngài, thậm chí bị đá rụng răng. Đã lạy người ta còn bị người đánh. Sau đó, Ngài ở đằng xa thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thì lạy, khi họ đến gần thì Ngài bỏ chạy, để khỏi bị họ đánh. Ngài vẫn hành Bồ Tát đạo không khinh mạn tất cả chúng sinh, đó là tiền kiếp của Đức Phật tu sáu độ vạn hạnh, chứ chẳng phải một sớm một chiều mà thành Phật. Cho nên những người đó cho rằng mình là Phật, họ chẳng nhận thức được Phật, tự mình lừa dối mình, tự tôn đại, đó là có: tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, chẳng phải là cảnh giới của Phật. Cho rằng mình là Phật mà không tu hành, cứ tạo tội nghiệp, so với hằng ngày bạn ôm bom nguyên tử, bom kinh khí còn nguy hiểm hơn, những người nầy tương lai chắc chắn sẽ đoạ địa ngục, thật là:

“Thiên đường có lối bạn chẳng đi,
Địa ngục không cửa dấn thân vào”.

Khi tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm đã từng nói qua bài kệ nầy:
“U mê truyền u mê,
Một truyền hai chẳng hiểu,
Thầy rớt vào địa ngục,
Trò cũng chạy theo vào”.

Khi ông thầy rớt vào địa ngục, nói với đồ đệ rằng:”Tại sao con cũng vào đây”? đồ đệ nói:”Con theo thầy học đạo, thì đương nhiên cũng theo thầy đến đây”. Ông thầy nói:”Lầm rồi! Lầm rồi! Đây là địa ngục mà!” Đồ đệ hỏi:”Tại sao thầy dẫn con xuống địa ngục? Ông thầy đáp:”Cho đến ta cũng chẳng biết sao lại đến chỗ nầy, bây giờ muốn ra cũng chẳng được”. Không những chính ông ta ra không được, mà tất cả đồ đệ theo học với ông ta cũng bị luôn. Đó là những kẻ tự xưng là Phật, không nhận thức được Phật, cũng chẳng hiểu Phật pháp.

Ở trên là nói phải tu theo mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền.

1. Lễ kính các Đức Phật.
2. Khen ngợi Như Lai.
3. Rộng tu cúng dường: Đây chẳng phải nói hôm nay cúng dường, ngày mai thì không cúng dường ; chẳng phải cúng dường một vị Phật, mà là cúng dường tất cả vị Phật, đều phải cúng dường khắp hết thảy.
4. Sám hối nghiệp chướng: Tại sao chúng ta phải lễ Phật? Là vì muốn biểu hiện, phát lồ sám hối những lỗi lầm đã gây ra, từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay. Từ nay sửa đổi lỗi lầm làm lại con người mới.
5. Tuỳ hỷ công đức: Tức là thấy những việc từ thiện hãy nên làm, làm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu. Hành Bồ Tát đạo là phải lợi ích cho người, giúp người, chẳng phải chỉ muốn làm lợi cho mình. Phàm là giúp đỡ người, chẳng ích kỷ lợi mình đều là tuỳ hỷ công đức.
6. Thỉnh chuyển bánh xe pháp: Khi bạn biết vị Pháp Sư nào đó giảng Kinh được, thì liên hệ với nhiều người thỉnh vị Pháp Sư đó thuyết pháp. Học Phật pháp phải học với các vị Pháp sư thông hiểu Phật pháp, đừng tự cho rằng mình hiểu Phật pháp. Do đó, thỉnh vị Pháp sư chân chánh hiểu Phật pháp giảng Kinh thuyết pháp, tức là thỉnh chuyển bánh xe pháp.
7. Thỉnh Phật ở lại đời: Bây giờ Phật chẳng còn ở đời, thì thỉnh Phật pháp ở lại đời.
8. Thường học theo Phật: Đức Phật hành Bồ Tát đạo, nhẫn những gì người không nhẫn được, làm những gì người không làm được, tu đủ thứ pháp môn, cho nên phải học theo Ngài.
9. Luôn thuận chúng sinh: Luôn luôn tuỳ thuận chúng sinh, hy vọng khiến cho họ hiểu Phật pháp.
10. Thảy đều hồi hướng: Đem tất cả công đức của mình hồi hướng cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo.

Giải thích tên “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” thì chữ thứ nhất là diệu. Chữ diệu quá rộng lớn, nói ngang nói dọc, nói xuôi nói ngược cũng đều diệu. Pháp của Đức Phật nói đều là diệu pháp, diệu pháp bao hàm tất cả, cho đến ba tạng mười hai bộ đều bao quát ở trong diệu pháp.

Ba tạng là:
Tạng Kinh,
Tạng luật và
Tạng luận.

Tạng Kinh là nói về định học.
Tạng luật là nói về giới học.
Tạng luận là nói về huệ học.

Kinh, luật, luận, bao hàm đạo lý vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, mà công đức ở trong giới định huệ cũng vô cùng vô tận. Tức nhiên, Kinh luật luận là diệu pháp, thì giới định huệ cũng là diệu pháp. Về giới định huệ các bạn đã nghe qua rất nhiều, vậy thử hỏi cứu kính làm được tới đâu rồi? Chúng ta nghe Phật pháp, không những phải minh bạch mà còn phải y theo pháp tu hành thì mới thật sự có sở đắc. Biết mà chẳng tu hành thì cũng như không biết. Tại sao? Vì đó cũng như biết thức ăn là ngon, nhưng phải ăn thì mới thật sự thọ dụng. Phật pháp cũng như thế, biết một chút thực hành một chút thì đó mới là người thực hành. Nếu biết mà không thực hành thì đối với bạn, đối với Phật pháp chẳng có ích gì, giống như người bằng đá không khác, hình dáng tuy là người mà chẳng nói được, chẳng đi được.

Diệu gồm có: Tâm pháp diệu, chúng sinh diệu và Phật pháp diệu. Phân ra mà nói thì có ba, hợp lại thì chỉ có một. Dù phân ra hoặc hợp lại để giảng, đều là diệu pháp. Cả ba là diệu pháp, một cũng là diệu pháp.

Ba tạng mười hai bộ. Ba tạng là: Kinh, luật, luận, bao quát giới định huệ ba học vô lậu.

Mười hai bộ Kinh là:

1. Khế Kinh.
2. Trùng tụng.
3. Phúng tụng.
4. Nhân duyên.
5. Bổn sự.
6. Bổn sinh.
7. Vị tằng hữu.
8. Thí dụ.
9. Luận nghị.
10. Tự thuyết.
11. Phương quảng.
12. Thọ ký.

Tuy mười hai bộ Kinh ý nghĩa thâm sâu, nhưng chủ yếu là nhớ và hiểu rõ nghĩa lý của Phật. Phật pháp không nhất định chú trọng về học vấn, mà chú trọng về chân thật hành trì. Lục Tổ Huệ Năng chưa từng đi học, chẳng biết chữ, thế mà Ngài giảng Kinh thuyết pháp. Vì Ngài chẳng biết chữ, khi giảng Kinh thì nhờ họ đọc Kinh văn, họ đọc một câu thì Ngài giảng một câu. Pháp của Ngài giảng rất hợp với ý của Phật, hợp với Phật pháp. Lục Tổ tuy không biết chữ mà giảng Kinh thuyết pháp, là vì Ngài đắc được tâm ấn của Phật, của Tổ, diệu pháp dùng tâm ấn tâm ; cho nên pháp của Ngài nói đều là diệu pháp. Lục Tổ đắc được tâm pháp của Ngũ Tổ, y bát của Ngũ Tổ được truyền cho Ngài ; Ngài ở với đám thợ săn mười lăm năm, trong đoạn thời gian đó, Ngài dụng công tu hành, khai mở đại trí huệ.

Chúng ta người tu đạo nên nhớ đừng muốn mau, người xưa có nói:"Đừng muốn mau, muốn mau tất không thành". Dụng công tu hành cũng giống như bắn cung, căng quá thì đứt, chùng quá thì lỏng lẻo, đừng căng đừng chùng mới thành công. Do đó có câu:"Tiến nhanh thì lùi cũng mau". Ở Trung Quốc có con phù du, con phù du nầy sáng sớm sinh ra, chiều tối thì chết đi, sinh ra nhanh mà chết cũng sớm. Do đó, chúng ta người tu đạo phải lão thật dụng công, ngàn vạn đừng đi đường tắt nhỏ của bàng môn tả đạo, để mong thành tựu cho nhanh, trên thật tế thì chẳng đạt được mục đích. Chúng ta phải y chiếu theo con đường lớn lục độ vạn hạnh mà tu hành, đây mới là diệu pháp. Trung đạo tức là diệu pháp, lìa xa trung đạo thì chẳng phải là diệu pháp.

Vào đời nhà Hán, có hai người đều làm quan trong triều, một người là Viên Án và người kia là Triều Thố. Viên Án tìm cách giết hại Triều Thố, về sau Viên Án xuất gia làm Hoà Thượng. Vì ông ta luôn luôn thấy quỷ, thấy hồn quỷ của Triều Thố muốn đến để giết ông ta, dù ban ngày hay ban đêm cũng thế, khiến cho ông ta cảm thấy chính mình đã làm việc sai lầm, do đó mà sám hối đi xuất gia. Sau khi ông ta xuất gia rồi, thì chẳng còn thấy hồn quỷ nữa, mới quyết tâm dụng công tu hành. Vì một niệm sai lầm giết người mà xuất gia, cho nên ông ta hy vọng đời sau cũng muốn làm hoà thượng chứ chẳng muốn làm quan. Quả nhiên, đời thứ hai ông ta trở thành một đại Pháp Sư đi hoằng pháp khắp nơi, là một vị khổ tu hành chẳng tham danh lợi dưỡng. Đời này ông ta cũng chẳng thấy hồn quỷ của Triều Thố.

Trải qua mười đời như thế, vì ông ta khổ công tu hành, có chút đạo đức, cho nên mỗi đời thân phận càng cao. Đến đời thứ mười một thì ông ta làm Quốc sư, là thầy của hoàng đế. Hoàng đế thưởng cho ông ta chiếc ghế báu làm bằng gỗ trầm hương (đương thời gỗ trầm hương ở bên Tàu là một thứ gỗ quý trọng nhất, chỉ có hoàng đế mới ngồi ghế tạo bằng gỗ này). Khi Quốc sư ngồi trên ghế báu thì tinh thần cảm thấy quá sung sướng, ông ta nghĩ:"Hiện tại trên đời Pháp Sư tôn quý được ngồi trên ghế báu này chẳng mấy vị, đây thật là tốt biết bao"!

Khi ông ta sinh một tâm niệm cống cao, cho rằng hiện nay chỉ mình ta tôn quý trong thiên hạ, liền lúc đó oan hồn của Triều Thố mười đời về trước chưa siêu thoát, nay đến tìm ông ta, đột nhiên trên đầu gối ông ta nổi lên mụt ghẻ mặt người, có miệng, mũi và biết nói, luôn luôn nói với ông ta:"Ông đừng nghĩ cách trốn tôi nữa, tôi đã theo ông mười đời, ông chưa đền mạng cho tôi". Quốc sư Ngộ Đạt mắc phải bệnh mụt nhọt này, ngày đêm la đau, thật khó mà chịu đựng, dù tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm và tụng Kinh cũng chẳng tiêu tội được, vì ông ta nghiệp quá nặng. Đó là do ông ta sinh một tâm niệm cống cao ngã mạn, cho nên thần hộ pháp cũng xa lìa, không bảo hộ nữa. Khi đó, ông ta nhớ đến Tôn Giả Ca Nặc Ca, ông ta đã từng hầu hạ Tôn Giả, đương thời Tôn Giả toàn thân bị bệnh ghẻ chảy máu chảy mủ lại có mùi hôi thối.

Quốc Sư Ngộ Đạt vẫn hầu hạ Tôn Giả hết mình, rửa ráy thuốc thang phục dịch mọi việc, khiến cho Tôn Giả lành bệnh. Kỳ thật, Tôn Giả Ca Nặc Ca chẳng phải thật có bệnh, Ngài thị hiện để độ Quốc Sư Ngộ Đạt. Quả nhiên Quốc Sư đối tốt với Ngài, sau khi Tôn Giả lành bệnh mới nói với Quốc Sư:"Khi ông có nạn thì đến núi Trà Sơn ở Tứ Xuyên tìm ta, ta sẽ có biện pháp giải quyết". Lúc đó Quốc Sư Ngộ Đạt bị mụt ghẻ mặt người chẳng cách chi trị được, bèn nhớ đến tìm Tôn Giả Ca Nặc Ca. Tôn Giả dùng nước tam muội tắm cho ông ta thì mụt ghẻ mặt người lành khỏi. Cho nên người tu đạo bất cứ như thế nào cũng đừng sanh tâm cống cao ngã mạn.

Ở trên, đã giảng đại khái về ý nghĩa tâm pháp diệu. Bây giờ giảng về chúng sinh pháp diệu. Chúng sinh là gì? Chúng sinh là do các thứ nhân duyên hòa hợp mà sinh, cho nên gọi là chúng sinh. Chúng sinh phân làm mười hai loài:

1. Noãn sinh (sinh bằng trứng),
2. Thai sinh (sinh bằng thai),
3. Thấp sinh (sinh bằng ẩm ướt),
4. Hóa sinh (biến hóa sinh ra),
5. Hữu sắc (có sắc),
6. Vô sắc (không có sắc),
7. Hữu tưởng (có tưởng),
8. Vô tưởng (không có tưởng),
9. Phi hữu sắc (chẳng có sắc),
10. Phi vô sắc (chẳng không sắc),
11. Phi hữu tưởng (chẳng có tưởng),
12. Phi vô tưởng (chẳng không tưởng).

Mỗi loài trong mười hai loài, lại có đủ thứ sự khác nhau. Ví như: loài sinh bằng trứng, có loài biết bay, có loài chẳng biết bay. Loài biết bay lại có muôn ngàn loại khác nhau, không ai có thể biết rõ hết hoàn toàn. Bạn nói có diệu chăng? Phân biệt không rõ ràng là diệu, phân biệt rõ ràng cũng diệu. Đó là loài sinh bằng trứng, còn loài bằng thai, sinh bằng biến hóa, bằng ẩm thấp .v.v., cho đến tất cả chúng sinh cũng như thế.

Con người là thai sinh, tất cả súc sinh cũng là thai sinh. Loài sinh bằng trứng như thế nào? Trứng do tưởng mà sinh, vì có tưởng nghĩ, có nên có sự sinh bằng trứng. Sinh bằng thai là do ái tình mà sinh. Ai ai cũng cho rằng ái tình là việc khoái lạc nhất, nhưng thực tế, mặt trái của khoái lạc nhất là đau khổ nhất. Hiện nay, tại nước Mỹ có rất nhiều người thức tỉnh về ái tình chẳng tự do, do đó thoát khỏi ái tình, đi đến bờ tỉnh thức. Một số thanh niên nam nữ, tùy tiện nói về ái tình, tùy tiện kết hợp, rồi tùy tiện chia tay, nói rằng đó là tự do, kỳ thật, đó là hiểu lầm tự do. Nam nữ đều chẳng kết hôn, không giữ quy cụ, đó không những chẳng phải là tự do mà là lầm lẫn trong sự lầm lẫn.

Tại sao? Vì nếu kết hôn rồi, tuy không tự do vẫn là con đường từ ngàn xưa. Nếu hiểu lầm ái tình, nói không kết hôn thì có thể tùy tiện, đó là muốn chết sớm một chút, muốn phá hoại thân thể của mình sớm một chút, thân thể mà đã bại hoại thì sẽ chết sớm một chút, tình hình này nếu không sớm cứu vãn, thì tai họa sẽ không nhỏ, đó là nói về thai do tình mà có.
Bất cứ là người hoặc là súc sinh, vì súc sinh cũng có tình, tại sao chúng có tình? Vì thứ tình này do điên đảo tập khí quá sâu, từ vô lượng kiếp cho đến nay. Khi làm người thì tình dục quá nặng, cho nên bị đọa lạc vào súc sinh ; nếu trong đường súc sinh chưa thức tỉnh thì tình dục sẽ càng nặng, thì sẽ càng ngu si ám độn.

Thấp sinh và hóa sinh, sinh ra như thế nào? Cũng vì tâm dâm dục quá nặng. Bất cứ chúng sinh nào cũng vì có tình, do đó:

"Nghiệp sạch tình không tức là Phật,
Nghiệp nặng tình mê là phàm phu".

Ai bị tình làm mê là phàm phu, nếu bạn chẳng còn dính mắc về tình nữa, xem nó là không tức là Thánh nhân.

Loài người và loài súc sinh, đều có ngàn vạn khác biệt, song, cũng chẳng lìa khỏi diệu pháp này, đều bao hàm ở trong diệu pháp, cho nên chúng sinh pháp cũng là diệu pháp.

Bạn không nghiên cứu nó thì chẳng biết ra sao, nếu mà nghiên cứu thì mỗi loài đều có đạo lý của nó. Tại sao lại làm người? Tại sao lại làm chó? Tại sao lại làm heo? làm bò? Trong đó đều hàm tàng một diệu pháp. Đạo lý diệu pháp này, chẳng dễ gì minh bạch được, không dễ dàng minh bạch tức là diệu pháp. Bạn nói tôi minh bạch được, minh bạch cũng là diệu pháp. Diệu pháp là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới không thể nghĩ bàn này, giống như ở trong phần chúng sinh.

Nói đến Phật pháp diệu, Phật pháp là gì? Cái gì lại chẳng phải là Phật pháp? Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Phật có tất cả hết thảy các pháp, chẳng có gì mà chẳng phải là Phật pháp. Cứu kính có bao nhiêu? Tổng quát lại thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì pháp môn nào diệu nhất? Pháp môn nào cũng đều diệu nhất. Trước kia có người hỏi tôi:"Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào là số một? là cao nhất?" Tôi đáp:"Bạn cho rằng môn nào hợp với bạn, thì pháp môn đó đệ nhất, cao nhất ; còn pháp môn nào chẳng hợp với bạn, thì pháp môn đó thấp nhất". Phải xem căn tánh của bạn. Phật nói ra tám bạn bốn ngàn pháp môn, là để đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh của chúng sinh. Bệnh của bạn trị rồi thì pháp môn đó chẳng còn giá trị nữa. Nếu bệnh của bạn vẫn còn, thì pháp môn đó có thể trị bệnh của bạn, thì pháp môn đó là đệ nhất. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì có tám vạn bốn ngàn đệ nhất, cũng có tám vạn bốn ngàn chướng ngại, và tám vạn bốn ngàn tối cao vô thượng.

Hiện tại giảng đến Phật pháp diệu, tức cũng có tám vạn bốn ngàn pháp diệu. Tại sao? Vì pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp, pháp pháp đều là toa thuốc. Bạn có bệnh gì thì uống thuốc đó, thuốc nầy dùng để trị bệnh của bạn, nếu lành bệnh thì thuốc hay, nếu bạn dùng lầm thuốc, thì dù thuốc hay cũng biến thành thuốc độc.

Hôm nay có người hỏi tôi: Ăn thịt có thể khai ngộ chăng? Tôi nói:"Nếu kẻ ăn thịt một lần nuốt được một con heo, một con dê hoặc một con bò, nếu có miệng lớn như thế thì có thể ; nếu không có miệng lớn như thế thì chẳng có ai bảo đảm có thể khai ngộ. Lục Tổ Huệ Năng sống với bọn thợ săn hơn mười năm, do đó Ngài ăn thịt, song, Ngài ăn rau bên thịt. Vì Ngài sống với thợ săn, thợ săn họ dùng thịt làm thức ăn, nếu Ngài không ăn thịt thì chẳng có gì để ăn, về sau Ngài tự trồng chút ít rau cải cũng chẳng nấu riêng, Ngài bỏ rau vào trong nồi thịt, khi ăn, Ngài vớt rau ăn, đó gọi là rau bên thịt. Lục Tổ Ngài ăn rau bên thịt, vì Ngài là người đã khai ngộ thành Phật, thì Ngài ăn thịt, ăn gì cũng có thể được.

Chúng ta chẳng có trí huệ đức hạnh như Ngài Lục Tổ, chẳng khai ngộ, mà cứ tham ăn hưởng thụ, ăn vật ngon vào trong bụng cũng biến thành bẩn thỉu, chẳng có ý nghĩa gì hết". Tâm của chúng ta có thể đến mười pháp giới. Mười pháp giới không ra ngoài một niệm tâm hiện tiền. Ví như, chúng ta sinh một tâm niệm ác, thì trồng xuống nhân địa ngục, sinh một niệm ác nữa, thì trồng xuống nhân ngạ quỷ, sinh một niệm ác ghét hận, thì trồng xuống nhân A Tu La, sinh một niệm ác ngu si, thì trồng xuống nhân súc sinh. Bạn sinh một niệm thiện thì sẽ sinh vào loài người, nếu sinh tâm giữ năm giới, tu mười điều lành, thì sẽ sinh về cõi trời. Nếu như, phát tâm tu hành: khổ, tập, diệt, đạo, bốn Diệu Đế thì trồng nhân Thanh Văn. Bạn phát tâm tu Lục độ vạn hạnh thì trồng nhân Bồ Tát. Bạn phát tâm tu trì tất cả Phật pháp, hy vọng thành Phật, thì đó là trồng nhân Phật.

Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là mười pháp giới. Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn là bốn pháp giới của bậc Thánh. Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là sáu pháp giới của phàm phu, hợp lại là mười pháp giới. Mười pháp giới là từ một niệm tâm hiện tiền của chúng ta tạo thành, cho nên nói tâm pháp diệu. Nếu tâm pháp không diệu thì chúng sinh pháp cũng không diệu ; chúng sinh pháp không diệu, thì Phật pháp cũng không diệu. Vì tâm pháp diệu cho nên chúng sinh pháp cũng diệu, Phật pháp cũng diệu. Mười phương chư Phật cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền, mười phương các Bồ Tát cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta ; cho đến mười phương các Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Thậm chí trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, cũng chẳng vượt ra một niệm tâm hiện tiền.
Nói đến chữ tâm, người xưa có nói mấy câu rằng:

"Ba chấm bày như sao,
Uốn cong tợ trăng non,
Mang lông từ đây khởi,
Làm Phật cũng do nó".

Trong thiền tông có nói:"Phật đến chém Phật, ma đến chém ma". Nghĩa là, Phật đến cũng đừng động tâm, phải tu được định lực này. Không thể Phật đến thì sinh tâm vui mừng, một khi sinh tâm vui mừng tức là:"Phàm tất cả các tướng, đều là hư vọng". Tại sao sinh tâm vui mừng? Nên biết:"Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai". Tất cả những gì có tướng đều không thật, nếu nơi tất cả tướng mà thấy là không, thì đó tức là chân không, mà trong chân không lại thấy là có (hữu), đó là diệu hữu. Chân không vốn chẳng không, diệu hữu vốn phi hữu (chẳng có). Bạn nói đó có diệu chăng? Đến được lúc này thì gọi là "phân chứng tức Phật".
Tuy đến được phân chứng tức Phật, nhưng chưa cứu kính, phải như Đức Phật ngồi dưới cội bồ đề, thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, chứng quả cứu kính, đó gọi là "cứu kính tức Phật". Những gì đã nói ở trên là lấy "lục tức Phật" để giải thích về diệu pháp này, đến được lúc này, mới thân chứng bổn thể của diệu pháp mà chân chánh thành Phật.

Cảnh giới diệu pháp thì không suy lường, không phân biệt. Như có người muốn học Chú Lăng Nghiêm, thì họ rơi vào sự suy lường và phân biệt. Nên biết, nếu bạn càng suy lường, thì càng không thể học, càng phân biệt thì càng không hiểu. Nếu bạn muốn nghĩ tại sao, thì không thể nhớ được Chú Lăng Nghiêm. Đừng nghĩ gì hết, mà chỉ biết tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, là bổn phận của mình mới đúng. Muốn thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, thì đừng dùng tâm phân biệt và suy lường, phân biệt tức là thức thứ sáu, suy lường tức là thức thứ bảy. Chúng ta phải dùng diệu pháp không phân biệt, không suy lường, phải dùng chân tâm để học Phật pháp.

Diệu pháp tuy là diệu, song người dùng được rất ít. Xưa kia có vị cư sĩ họ Bàng, sau khi ông ta khai ngộ, thì nhớ lại từ vô lượng kiếp cho đến nay, đời đời kiếp kiếp cho đến hiện tại mới khai ngộ, cảm thấy sự việc thật không dễ dàng, cho nên ông ta nói lên pháp môn của diệu pháp đã ngộ, thật là: "Khó, khó, khó "! Vì tu hành thì phải sửa đổi diệt trừ tập khí mao bệnh nhưng vẫn cứ tái phạm, bạn muốn không nóng giận nhưng khi có sự việc xảy đến lại khiến cho bạn nổi giận, có vẻ như thử thách bạn. Ví như: Bạn muốn không uống rượu nữa, mà tình cờ gặp bạn bè rủ bạn đi uống rượu. Bạn từ chối nói bạn giữ giới rượu, y lại nói:"Uống lần cuối cùng này rồi hãy giữ giới", sau đó lại có người bạn khác đến rủ bạn nữa, cứ như thế mà muốn giữ giới rượu chẳng phải dễ, thậm chí tất cả những hành vi tập khí xấu, nghĩ muốn tiêu trừ thật chẳng dễ dàng chút nào.

Cư sĩ họ Bàng cảm thấy sự khai ngộ rất khó, song vợ của ông ta cho rằng không khó. Bà ta nói:"Dễ, dễ, dễ! Bách hoa đầu thượng Tổ Sư ý". Nghĩa là: hết thảy cỏ cây, đều là tâm ấn pháp môn của Phật, diệu ý của Tổ Sư Đạt Ma ở trên đầy trăm hoa. "Thúy trúc hoàng hoa, vô phi bát nhã". Tất cả trúc xanh hoa vàng, đều là thuyết pháp, biểu hiện trí huệ Bát nhã. Tô Đông Pha đã từng nói rằng:

"Kê thanh tận thị quảng trường thiệt,
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân".

Nghĩa là: tiếng suối reo, tướng lưỡi rộng dài của mười phương chư Phật, nói ở trong Kinh A Di Đà, màu sắc đỉnh núi, đâu chẳng phải là diệu pháp chăng! Một cộng cỏ, một bụi cây đều là diệu pháp. Như vậy cứu kính thì có gì

khó? Vì cả nhà ông cư sĩ họ Bàng, đều là người khai ngộ, còn con gái của ông ta là Bàng Linh Chiêu cũng nói:"Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ! Đói thì ăn, mệt thì ngủ". Đó là biểu thị, bình thường hằng ngày như ăn cơm, mặc áo, ngủ, nghỉ .v.v., đều là diệu pháp. Người tu đạo suốt ngày ăn cơm, nhưng chưa ăn một hạt gạo, suốt ngày mặc áo, nhưng chưa mặc một sợi tơ, đó chẳng phải nói dối, mà là tâm chẳng dính mắc ; do đó: thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị, đó là đã đạt đến cảnh giới vô tâm. Lúc đó, tuy là ngủ nhưng giống như tỉnh, vì chẳng hồ đồ, chẳng giống như người thường mộng mị, khởi vọng tưởng.

Tại Trung Quốc, có vị Quốc Sư Ngọc Lâm rất thông minh. Sư phụ của Ngọc Lâm muốn Ngọc Lâm và sư huynh của Ngài (Ngọc Lam), trong một ngày một đêm học thuộc bộ Kinh Pháp Hoa, nếu ai thuộc lòng trước thì truyền pháp cho người đó. Sư huynh của Ngọc Lâm ngủ li bì suốt ngày, Quốc Sư Ngọc Lâm cho rằng, mình nhất định thuộc Kinh Pháp Hoa trước sư huynh của mình. Không ngờ Ngọc Lâm lên gặp Sư Phụ, thì Sư Phụ nói với Ngài rằng, sư huynh của con đã thuộc lòng tối hôm qua rồi. Tại sao sư huynh của Ngài mau thuộc lòng như thế? Vì cảnh giới của Ngài đã đạt đến ngủ mà chẳng ngủ, có thể là nhập định. Người thường dụng công phu, thì bất cứ đi đứng nằm ngồi, đều có thể nhập định. Người không dụng công, thì chê chỗ này ồn ào, chỗ kia chẳng thanh tịnh. Kỳ thật, nếu như tâm của bạn thanh tịnh, thì đi đâu cũng đều thanh tịnh.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật từng nói với Ngài A Nan:"Thành Phật là do sáu căn, đọa lạc cũng do sáu căn". Sáu căn, sáu thức, mười pháp giới đều là diệu pháp, đều là biểu hiện xưa nay nói về tâm, song bạn đừng suy lường, đừng phân biệt, một khi suy lường và phân biệt, thì rơi vào sào huyệt của ý thức. Do đó, phần đông tâm không thể chuyên nhất, không thể chuyển thức thành trí. Trí là do thức biến hóa ; trí cũng là diệu pháp. Ở phần chúng sinh là chuyển trí thành thức, là trí huệ vốn có biến thành ý thức, cho nên từ diệu biến thành thô, mà thô thì chẳng diệu. Ở tại phần của Phật thì chuyển thức thành trí ; cho nên ở trong sào huyệt ý thức, đắc được trí huệ chân chánh, mà chứng được diệu pháp.

Diệu pháp mà nói ra thì vô cùng vô tận, chiếu theo trong bổn môn của Đức Phật, thì có mười thứ diệu, tích môn lại có mười thứ diệu. Bổn tức là Phật, tức diệu giác ; tích là thùy tích, hiển bày đủ thứ vết tích. Vì diệu quá rộng, quá nhiều, cho nên Trí Giả Đại Sư, từng nói về chữ diệu trong chín mươi ngày. Diệu thì không thể dùng tâm để suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn, chỉ có biết là diệu, song vẫn có chỗ không minh bạch. Dưới đây, sẽ giảng những công án để mọi người nghe, để chứng minh chỗ diệu của diệu pháp.
Trước kia, có vị Hòa Thượng mỗi ngày đều tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, từ trong Kinh, Ngài biết biên chép bộ Kinh này, công đức không thể nghĩ bàn, do đó, Ngài cung kính biên chép toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Khi Ngài biên xong bộ Kinh này, thì đang lúc mùa đông, Ngài đem bút bỏ vào trong nước ngâm để rửa, thì trong nước hốt nhiên hiện ra một đóa hoa sen bằng băng đá. Đóa hoa sen bằng băng đá đó dần dần cao lớn. Do đó, Ngài tự cho mình một biệt hiệu là "Băng Liên Hòa Thượng" (Hoà Thượng hoa sen bằng băng đá), sự việc này lúc đó có rất nhiều người thấy được.

Còn có một câu chuyện, cũng chứng minh sự diệu của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trước kia, có vị Hòa Thượng rất có địa vị tham chánh ở trong triều đình. Mỗi lần ông ta từ Chùa đến hoàng cung đều chẳng ngồi kiệu, ông ta cỡi ngựa. Mỗi lần ông ta ngồi trên lưng ngựa, thì đọc thuộc lòng quyển thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, đến hoàng cung thì vừa tụng xong quyển thứ nhất. Ngày nào cũng thế, một ngày nọ, con ngựa đột nhiên chết, mà có nhà cư sĩ đối diện trước Chùa của ông ta, hạ sinh một bé trai. Trước khi hài nhi ra đời, thì mẹ của đứa bé mộng thấy, con ngựa của vị Hoà Thượng cỡi chui vào bụng bà ta, chẳng bao lâu thì hài nhi ra đời. Bà ta cảm thấy kỳ lạ, mới kêu người đến Chùa hỏi xem, mới biết con ngựa đó vừa mới chết. Bà ta biết đứa bé này là con ngựa đó đến đầu thai, cho nên đem đứa bé đó vào Chùa, song đứa bé đó rất ngu si, tối tăm, bất cứ dạy y đọc, hoặc viết chữ, y chẳng làm được, cho nên một chữ cũng chẳng biết.

Song, có một vị Hòa Thượng dạy y đọc Kinh Pháp Hoa, thì y nhớ quyển thứ nhất rất nhanh chóng, còn những quyển còn lại y chẳng nhớ được. Vì khi y làm ngựa thì mỗi ngày vị Hoà Thượng cỡi, đều tụng thuộc lòng quyển thứ nhất, cho nên y nhớ được. Vì y nghe được Kinh Pháp Hoa, mà được đầu thai làm người, do đó đủ biết công đức của bộ Kinh Pháp Hoa này, thật là không thể nghĩ bàn.

Vào thời đại nhà Tấn, tại Vân Nam có vị cư sĩ tên là Trần Đông Viện, ông ta rất tin Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông ta từng đến núi Phổ Đà, lễ bái đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ông ta lạy xong, thì thấy một vị Hòa Thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa, bèn thỉnh vị Hòa Thượng đó thế ông ta tụng Kinh siêu độ hồn của mẹ, khiến cho được lìa khỏi cảnh khổ, sớm sinh lên cõi Trời. Khi công đức viên mãn thì con bò của nhà ông ta đột nhiên chết đi. Đêm đó, con bò báo mộng cho ông ta nói:"Ta là mẹ của ngươi, vì khẩu nghiệp quá nặng, tội nghiệt quá sâu, cho nên đầu thai làm bò.

Nay nhờ nhà ngươi thỉnh Pháp Sư tụng Kinh siêu độ ta, khiến cho ta lìa khỏi thân bò, nhưng vẫn chưa lìa khỏi khổ ở địa ngục, nhà ngươi hãy thỉnh vị Pháp Sư vì ta tụng Kinh siêu độ nữa"! Trần Đông Viện lại đến núi Phổ Đà gặp vị Hòa Thượng đó, thỉnh Hòa Thượng siêu độ mẹ của ông ta nữa, vị Hòa Thượng đó tụng Kinh thì đương nhiên rất thành tâm, nhưng chứng nghiện rượu chưa bỏ được, đôi khi uống một hai ly rượu. Khi ông ta biết tình hình mẹ của Trần Đông Viện, thì rất thành tâm quỳ trước bàn Phật tụng Kinh Pháp Hoa, khi tụng đến quyển thứ tư, thì ông ta khát nước, muốn uống trà, nhưng bình trà chẳng có trà, song thấy trong ly rượu thường dùng hằng ngày lại có rượu, bèn uống hết ly rượu đó, rồi tiếp tục tụng hết bộ Kinh Pháp Hoa.

Trần Đông Viện lại nằm mộng thấy mẹ của ông ta nói:"Số là ta có thể thoát khỏi địa ngục, khi Pháp Sư tụng Kinh Pháp Hoa, từ quyển một đến quyển bốn thì trong địa ngục đầy khắp kim quang, còn có hoa sen bằng vàng sinh ra, chính lúc đó ta phải đi đầu thai, thì hốt nhiên có mùi rượu đầy khắp địa ngục, từ quyển thứ năm đến quyển thứ bảy, thì chẳng có công hiệu là bao, ngươi hãy thỉnh vị Hoà Thượng đó vì ta tụng nữa!" Trần Đông Viện lại đem tình hình trên nói với vị Hòa Thượng đó. Trước kia, vị Hòa Thượng đó cho rằng uống một hai ly rượu chẳng có quan hệ gì, khi trải qua sự việc này thì ông ta hoàn toàn bỏ rượu. Từ câu chuyện này nhìn lại thì sự diệu của Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn.

Người học Phật, phải biết Kinh Pháp Hoa có rất nhiều sự mầu nhiệm, như làm súc sinh mà nghe Kinh nghe Pháp, thì được đầu thai làm người, ở trong địa ngục chịu khổ mà nghe được Kinh, thì có thể sinh về cõi Trời. Vì có ý nghĩa như vậy, cho nên có một số người tụng niệm Kinh điển, y chiếu phương pháp trong Kinh điển mà tu hành, bất quá tu hành tuyệt đối đừng tự mãn, đừng cho rằng tụng Kinh có công đức. Nếu bạn sinh tâm tự mãn, không những chẳng có công đức, mà có thể nói là lãng phí. Từ từ trồng xuống chút căn lành, người tu đạo nên nhớ đừng tự đại, đừng cống cao ngã mạn, phải khiêm cung hòa kính.

Trong khi Pháp Bảo Đàn, có một đoạn nói: Có một vị Tăng tên là Pháp Đạt, tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ, do đó ông ta sinh tâm cống cao ngã mạn. Khi ông ta đến Tào Khê Chùa Nam Hoa gặp Lục Tổ Huệ Năng, thì bổn lai tất cả chư Tăng thấy vị Hòa Thượng trụ trì đều đắp y trì cụ, cung kính đảnh lễ. Vì trong tâm của Pháp Sư Pháp Đạt sinh ra một sự chướng ngại, cho rằng tụng đã hơn ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa, thì công đức chắc chắn không ít, do đó, khi ông ta thấy Lục Tổ Huệ Năng thì chỉ khom lưng, đầu lạy chẳng đụng đất.

Lục Tổ hỏi ông ta:"Hiện tại trong tâm của ông có vật gì? Ông bình thường tu tập pháp môn gì?" Pháp Sư Pháp Đạt nói:"Tôi tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ". Lục Tổ nói:"Đừng nói tụng được bao nhiêu bộ Kinh, điều quan trọng là hiểu được ý của Kinh". Lại nói:

"Lễ bổn triết mạn tràng
Đầu hề bất chí địa?
Hữu ngã tội tức sinh
Vong công phước vô tỷ".

Nghĩa là:
Lễ lạy để diệt trừ kiêu mạn,
Sao đầu chẳng đụng đất?
Còn cái ta thì tội sinh ra,
Quên cái ta thì phước vô ngần.

Chính là:
"Tâm mê Pháp Hoa chuyển,
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa".

"Tụng Kinh cửu bất giải, dữ nghĩa tác cừu già". Nghĩa là: khi tâm của bạn mê, thì bị Kinh Pháp Hoa chuyển, khi trong tâm của bạn minh bạch, thì chuyển được Kinh Pháp Hoa. Chuyển Pháp Hoa mới là diệu pháp, bị Pháp Hoa chuyển, là diệu mà chẳng diệu, chuyển Pháp Hoa mới là không diệu mà diệu. Bạn tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ, nhưng chẳng hiểu nghĩa trong Kinh, thì giống như bạn với ý nghĩa của Kinh, sinh ra một sự oan cừu. Bổn lai bộ Kinh này với bạn là một thể, nhưng bạn cho rằng, tụng được hơn ba ngàn bộ Kinh thì có công đức, có sự chướng ngại, cho nên biến thành hai. Chỉ vì bạn chưa minh bạch đạo lý trong Kinh, cho nên chưa trừ khử được tâm cống cao ngạo mạn.

Từ câu chuyện này về sau, hy vọng bất cứ vị nào có công đức gì, đều đừng sinh tâm kiêu ngạo và tự mãn. Nên nhớ! Người học phật pháp, nhất định phải khiêm cung hòa kính, đừng kiêu ngạo với bất cứ người nào, điểm này rất là quan trọng, hy vọng mọi người để vào tai những gì tôi nói.

Đề Kinh của bổn Kinh này là: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, diệu pháp rộng lớn vô cùng, chẳng cách chi nói hết được. Ở trên đã giải thích đại khái, bây giờ giảng tiếp về hai chữ Liên Hoa (hoa sen).

Hoa sen là một thứ hoa hy hữu nhất. Thứ hoa này, thuộc về: hoa quả cùng lúc ; hoa nở thì sen hiện, hoa rụng thì sen thành. Rễ của hoa sen ở dưới bùn, cọng thì ở trong nước, còn hoa thì vượt lên khỏi mặt nước. Rễ ở trong bùn là biểu thị phàm phu, cọng ở trong nước là biểu thị hàng nhị thừa. Phàm phu chấp về có, ở trong bùn là ví dụ có ; nhị thừa thì chấp không, cọng hoa ở trong nước là biểu thị không. Hoa sen ở trên mặt nước là vượt ra không, có ; là biểu thị trung đạo và liễu nghĩa. Tức chẳng rơi về không, cũng chẳng rơi về có. Không, có gọi là hai bên, chẳng chấp vào hai bên, là trung đạo liễu nghĩa.

Sao lại nói hoa sen là biểu thị sự trung đạo liễu nghĩa, đại giáo viên đốn? Vì một khi hoa sen nở, thì có sen, đó gọi là biểu thị nhân quả không hai ; nhân là quả, quả cũng là nhân, như trồng nhân Phật thì kết quả Phật. Mà hoa quả cùng lúc, cũng là biểu thị khai quyền hiển thật. Hoa sen nở thì biểu thị khai quyền, pháp quyền xảo phương tiện, sen hiện ra là biểu thị thật pháp ; là chân thật không hư, dùng pháp thật tướng làm thể.

Trong bổn Kinh này có nói, Phật vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đại sự gì? Là vấn đề sinh tử của chúng sinh. Phật dạy tất cả chúng sinh giác ngộ, liễu sinh thoát tử. Có người nói:"Sinh tử ai ai cũng có, sao gọi là đại sự?" Không sa

i, ai ai cũng sinh, ai ai cũng chết. Song, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, cứu kính là vì sao? Trang Tử có nói mấy câu này rất là chí lý:"Sinh mạng của tôi thì có hạn, mà sự hiểu biết thì vô hạn, lấy cái có hạn học cái vô hạn". Nghĩa là, sinh mạng thì có hạn định, có lúc kết thúc, song, sự hiểu biết thì chẳng có bờ mé. Chúng ta dùng sinh mạng có hạn đỉnh, để học sự hiểu biết vô hạn, đó thì chẳng cách chi truy cứu được! Nhưng ông ta chỉ biết một nửa, chưa biết hết toàn thể, tại sao nói như thế? Vì ông ta chỉ biết sinh mạng có lúc kết thúc, mà chẳng biết kết thúc rồi sẽ có bắt đầu nữa.Sinh mạng của chúng ta, chẳng phải đi rồi thì không trở lại. Nếu bạn biết vấn đề sinh tử như thế nào, thì cũng chỉ giải quyết được một nửa ; nếu chẳng biết vấn đề sinh tử như thế nào thì chẳng minh bạch. Do đó, đến cũng hồ đồ, đi cũng hồ đồ.

Về vấn đề sinh tử, Tử Lộ từng hỏi đức Khổng Tử:"Thầy! Con phải dùng phương pháp gì để cung phụng quỷ thần?" Khổng Tử đáp:"Chưa biết lo cho người, sao cung phụng được quỷ?" Tử Lộ lại hỏi: "Dám hỏi về cái chết, con cả gan hỏi về chết như thế nào? Chết từ vị nó như thế nào? Tình hình chết như thế nào"? Khổng Tử đáp:"Chưa biết sinh, làm sao biết chết"? Nghĩa là chưa biết sống như thế nào, lại làm sao biết chết? Tức cũng

là, sinh như thế nào thì chết như thế ấy. Vậy cứu kính sinh như thế nào? Đó là nói đến vấn đề căn bản, mọi người nên chú ý chỗ này một chút, sinh tử là một đại sự.

Người là do tình dục mà sinh, cho nên cũng do tình dục mà chết. Nếu chẳng có tình dục thì chẳng có sinh, cũng chẳng có chết. Vấn đề sinh tử là do tâm tham dục, nếu đoạn trừ được tâm tham dục, thì cũng biết rõ về sinh tử. Phật là vì muốn chấm dứt vấn đề sinh tử của tất cả chúng sinh, mà đến thế giới này, cho nên vấn đề sinh tử rất là quan trọng.

Có câu chuyện về vấn đề sinh tử: Xưa kia có một đại phú ông cưới một cô vợ rất đẹp, sinh được ba người con. Đại phú ông ngoài tiền bạc ra, ông ta chẳng biết gì hết. Tiền là người bạn tốt nhất trong cuộc đời của ông ta, như cốt nhục chí thân, cho nên ông ta sửa đổi một đoạn "Trung Dung" của bậc Thánh nhân trước tác. Sửa là:

"Thiên mạng chi vị tiền,
Suất tính chi vị tiền,
Tu đạo chi vị tiền.
Tiền dã giả, bất khả tu du lìa dã".

Tiền thì không phút giây nào xa rời nó. Do đó, ông ta đặt tên cho thằng con trai cả tên là Vàng, đứa kế là Bạc, vì vàng bạc đều có, đứa thứ ba thì đặt tên rất là kỳ quái, gọi là Nghiệp Chướng.

Khi ba đứa con của ông ta trưởng thành, thì ông ta cũng già nua, lại còn mắc bệnh tê liệt, mắc phải bệnh này ông chẳng đi đâu được, suốt ngày nằm trên giường, nhà tuy giàu có, song chẳng ai hầu hạ ông ta. Vợ đẹp của ông ta cũng xa lìa ông ta, đứa con thông minh của ông ta cũng chẳng đến thăm ông ta. Ông ta cắn răng muốn chết sớm một chút, song ông ta lại nghĩ: Một mình xuống âm phủ quá cô đơn, do đó ông ta thương lượng với bà vợ nói:"Tôi bị bệnh đã lâu, coi bộ chẳng qua khỏi, bằng chi chết sớm một chút cho yên thân. Bà có thể đi với tôi nhé?" Bà vợ đẹp của ông ta đáp:"Sao ông lại có thể kêu tôi đi với ông? Chết thì ai cũng không thể thế cho ai, ông bị bệnh thần kinh chăng?" Ông ta thấy vợ chẳng chịu đi theo, ông ta bèn gọi đứa con trai cả nói:"Vàng! Khi con vừa sinh ra thì ta thương con nhất, con có biết chăng?"

Con trai cả đáp:"Đương nhiên con biết". Ông ta lại nói:"Bây giờ ta sắp chết, con đi với ta nhé?" Con trai cả nghe vậy đáp lại:"Ông thật là hồ đồ! Tuổi của ông đã lớn, là đáng chết, con còn trẻ sao có thể chết được? Nếu như cha thương con thì đừng kêu con chết đi". Do đó, đứa con cả chạy đi. Ông ta lại kêu đứa thứ nhì nói:"Bạc! Hiện ta sắp chết, con đi với ta nhé?" Con trai thứ nhì nói:"Ông này lộn xộn! Muốn chết thì chết, sao lại kêu ta đi theo với ông?" Vợ của ông ta và hai đứa con lớn, chẳng chịu đi theo ông ta. Cuối cùng ông ta kêu đứa thứ ba đến nói:"Nghiệp Chướng! Con tuổi trẻ nhất, ta cũng thương con nhất, ta muốn chết, nhưng bỏ con chẳng đặng, con tính làm sao đây?" Thằng út thông minh lanh lợi nói:"Đừng lo, cha thương con nhất thì con sẽ chết theo cha"! Ông ta nghe vậy rất vui mừng, vì chỉ có đứa con út Nghiệp Chướng chịu đi với ông ta vào địa ngục, cho nên ông ta nói:

"Mọi thứ chẳng mang theo được,
Chỉ có nghiệp theo mình".

Tất cả vàng, bạc, châu báu, đều mang đi chẳng đặng, chỉ có nghiệp thiện, hoặc nghiệp ác, mà bạn tạo ra, thì mới theo bạn như bóng theo hình. "Đản niệm A Di Đà, vãng sinh cực lạc quốc". Tức nhiên là nghiệp theo mình thì phải chuyên tâm niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", thì sẽ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, sẽ không đọa lạc vào biển khổ sáu nẻo luân hồi. Trong Kinh A Di Đà có nói: Cõi nước Cực Lạc dùng vàng làm đất, vàng làm đất thì nhiều vô số, có thể nói là giàu sang đến cực điểm.Chúng ta sống ở đời, phải kịp thời làm thiện, còn chút hơi thở, chút sức lực, thì phải làm thiện tích đức, đừng có chỉ mượn phước đã tích tập trong kiếp trước, mà hưởng thụ hết trong đời này.

Hoa có nhiều loại khác nhau, có loại "hoa dại không có quả", chỉ có hoa mà chẳng có quả, là ví dụ những người buông lung, cứ nói dối, chỉ nói mà không làm, cũng là ví dụ cho ngoại đạo. Vì những bàng môn tả đạo, mặt ngoài trông có vẻ rất là thần thánh, họ cũng rất dụng công tu hành, tu đủ thứ sự khổ hạnh, nhưng chẳng kết quả, cuối cùng chẳng thành công, đó cũng như hoa dại chẳng có quả.

Có thứ "hoa có rất nhiều quả", đó là ví dụ phàm phu cúng dường cho cha mẹ, sư trưởng, đủ thứ hành vi hiếu thuận. Vì cúng dường cha mẹ, cho nên được rất nhiều công. Những công này, tương lai cũng sẽ kết rất nhiều quả, hoặc là sinh về cõi trời, hoặc là sinh vào cõi người làm người giàu có, đó thật là một hoa có nhiều quả.

Lại có, "một hoa kết một quả", đó là biểu thị Duyên Giác. Duyên Giác tu hạnh viễn ly, tu pháp môn này, thì vào trong rừng sâu núi thẳm, cũng chỉ đắc được quả vị Duyên Giác.

Lại có, "trước quả sau hoa", như Tu Đà Hoàn, họ đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhưng về sau họ vẫn cần tiếp tục tu hành.

Lại có, "trước hoa sau quả", đây là biểu thị Bồ Tát thừa, Bồ Tát thì trước phải tu hành, về sau mới đắc được quả vị Bồ Tát. Song, những thứ hoa đã nói ở trên, không thể ví dụ với diệu pháp được, cũng không thể sánh với diệu pháp, chỉ có hoa sen mới thật sự có thể ví dụ cho diệu pháp, vì hoa sen là hoa quả cùng lúc, biểu thị tức quyền tức thật.

Hoa quả cùng lúc vừa nói ở trên, mới biểu thị khai quyền hiển thật, vừa có hoa lại có quả, quyền là hoa, thật là quả, song, duy thật thí quyền, sao lại có hoa? Hoa là vì chấp quả mà có. Khi Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã đều vì nói Kinh Pháp Hoa, mới nói những Kinh điển đó. Pháp được nói ra trước là quyền pháp (pháp phương tiện), chứ chẳng phải là thật pháp, đến hội Pháp Hoa mới là thật pháp, thật giáo. Đem quyền giáo triển khai, để hiện thị ra nhất thừa thật pháp, đó tức là: hoa nở sen hiện, cũng gọi là khai quyền hiển thật. Hoa rụng sen thành, tức gọi là bỏ quyền lợi thật, xả bỏ quyền pháp, tuyên lưu ra diệu pháp chân thật. Thật

giáo thượng thừa tức là viên đốn nhất thừa.

Pháp của Phật nói gồm có: bổn, tích (gốc, vết tích) hai môn. Bổn môn là gì? Bổn là căn bổn, tích là vết tích. Bổn là gì? Bây giờ đưa ra một ví dụ: Mặt trăng ở trong hư không là bổn (gốc), mặt trăng trong nước là tích, gốc chỉ có một, mà tích thì có vô lượng vô biên. Do gốc mà có tích, nhờ có gốc mới hiển thật tích. Khai tích hiển gốc. Tích là tông tích, như bóng, có cái bóng hoặc là sự tích. Đó đều là do thật mà thí quyền, khai quyền hiển thật, giống như đạo lý bỏ quyền lợi thật.

Ở trong Kinh văn nói: Mười sáu vị Vương tử phát tâm xuất gia tu đạo là gốc, mà ở trước đó chẳng biết lâu xa bao nhiêu, cho nên mười sáu vị Vương tử xuất gia cũng không kể là gốc. Hiện tại Đức Phật Thích Ca, thị hiện thân Phật đến thế giới này, vì chúng sinh mà thuyết pháp là tích. Kỳ thật, Phật Thích Ca chẳng phải mới ở thế giới này tu đạo thành Phật, mà trong vô lượng kiếp lâu xa về trước đã thành Phật rồi. Trong Kinh Phạm Võng có nói:"Ta đến thế giới Ta Bà này đã tám ngàn lần". Thế giới Ta Bà hiện tại của chúng ta đây, là một thế giới Ta Bà mới, là thế giới Ta Bà trẻ trung, còn có thế giới già, bổn lai thế giới đó mới gọi là gốc, thế giới hiện tại gọi là tích. Nếu dùng Phật pháp theo sự hiểu biết của chúng ta, thì chẳng cách chi đo lường được, là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên, cho nên gọi là diệu pháp.

Hoa sen là tượng trưng cho diệu pháp. Diệu Pháp Liên Hoa là ví dụ cho bộ Kinh này, là biệt danh của bộ Kinh này. Biệt tức là riêng biệt, tại sao lại riêng biệt? Vì chữ Kinh là tên chung. Tất cả Kinh đều gọi là Kinh ; giống như tất cả mọi người đều gọi là người. Song, mỗi người còn có tên của họ. Diệu Pháp Liên Hoa là tên riêng, Kinh là tên chung. Đây là dùng: riêng, chung hai pháp để phán đoán tên của bộ Kinh này.

Diệu Pháp là diễn nói vô tận. Nếu nói ý nghĩa rộng, thì thật không biết nói đến bao giờ mới hết, dù có nhiều thời gian cũng giảng chẳng xong. Hiện tại đã giải thích sơ lược về tên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Kinh, mọi người hầu như đều biết rành chữ Kinh, song, cứu kính có thật hiểu về chữ Kinh chăng? Nguồn gốc Kinh có năm lối giải thích áo diệu, cho nên gọi là ngũ trùng huyền nghĩa, tức là:

1. Thích danh.
2. Biện thể.
3. Minh tông.
4. Luận dụng,
5. Phán giáo.

Ngoài ra chữ Kinh còn bao hàm nhiều ý nghĩa khác. Kinh nghĩa là "con đường", là con đường từ phàm phu đến quả vị Phật, đó là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai gọi là pháp bổn, tức là pháp căn bản, là phương pháp trở về nguồn cội (thành Phật). Thứ ba là suối vọt, nghĩa là trào ra không ngừng, hoặc nghĩa là dây mực, tức là một thứ quy cụ, do đó "Không dùng quy cụ, sao thành vuông tròn". Nghĩa là cần có compas, thước, mới vẽ họa đồ được. Còn có một ý nghĩa là kết man. Kết là kết lại với nhau, man là tràng hoa, nghĩa là sâu kết tất cả các pháp lại với nhau. Cho nên mới nói Kinh là quán nhiếp thường pháp. Đem tất cả đạo lý trước sau, sâu lại với nhau, khiến cho đừng rời lạc chương tiết, cũng giống như làm văn, phải có mở đề, thân bài và kết luận.

Kinh văn tựa như dùng một sợi chỉ khâu kết ý nghĩa lại. Nhiếp là nhiếp trì tất cả chúng sinh căn cơ hóa độ được ; bất cứ bạn thích hợp pháp môn nào, thì ở trong Kinh đều bao hàm hết thảy. Ví như: tham thiền, tĩnh tọa, thuyết pháp, giảng Kinh, trì luật, hoặc niệm danh hiệu Phật, trì Chú, học mật .v.v., bất cứ pháp môn nào, cũng đều có đủ trong Kinh điển.

Kinh, lại hàm có ý nghĩa là trường (dài). Trường tức là vĩnh viễn không đổi, từ khi đức Phật nói, rồi đến kết tập Kinh điển, cho đến hiện tại chưa từng biến đổi, một chữ cũng không thể bớt, cũng không thể thêm ; do đó không tăng không giảm, tức là ý nghĩa của Kinh vẫn hằng thường như vậy.

Tu Đa La là tiếng Phạn, dịch là "khế Kinh". Khế nghĩa là hợp ; trên thì thông với tâm của chư Phật, dưới thì hợp với tâm của chúng sinh ; đều tâm tâm khế hợp, niệm niệm như như. Như trong Kinh Hoa Nghiêm có nói:"Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba chẳng khác nhau". Cho nên Kinh là tâm pháp, là chúng sinh pháp, tức là Phật pháp. Ba thứ pháp này, chẳng có sự phân biệt, đó là hiểu nghĩa Kinh hàng đầu trong sự "thích danh" (giải thích đề Kinh).

Biện thể là nhận thức bổn thể của Kinh này. Vậy bộ Kinh này lấy gì làm thể? Bổn Kinh này lấy thật tướng làm thể. "Thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng". Tất cả tướng, đều từ thật tướng mà sinh ra, không những các tướng đều do thật tướng sinh ra, mà tất cả chư Phật, tất cả các Bồ Tát, tất cả Duyên Giác, Thanh Văn cũng đều từ thật tướng huyễn sinh ra. Vậy thật tướng do ai tạo? Chẳng có ai tạo, là bổn lai có đủ. Sao lại có? Gốc thật tướng có trước tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến tất cả chúng sinh, cũng đều tự bổn Kinh sinh ra. Vì chúng ta trải qua thời gian quá lâu, đã quên mất ngôi nhà thật sự của mình, quên mất nguồn gốc mẫu thể. Bây giờ mọi người phát tâm nghe bộ Kinh này, có thể nói là tìm lối tắt trở về nhà.

Đã biết tên và thể của bổn Kinh này rồi. Vậy lấy gì làm tông? Lấy nhất thừa: Nhân quả thực tế làm tông. Nhất thừa là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Người tu học từng phân ra: Thanh Văn thừa, mà bộ Kinh này, chỉ hướng về một thừa, tức là Phật thừa. Phật thừa chẳng nằm ở trong năm thừa. Thừa này dùng nhân quả chân thật làm tông. Bổn Kinh dùng hoa sen làm dụ, nghĩa là: tức nhân tức quả, tức quả tức nhân. Hoa sen nở tức là Phật nhân, đồng thời kết thành sen, tức là Phật quả. Cho nên nói, dùng nhất thừa nhân quả làm tông cho bổn Kinh này.

Đã biết tông của Kinh này rồi, bây giờ hãy nghiên cứu về dụng đồ. Dụng đồ của bộ Kinh này, là muốn chúng ta đoạn trừ nghi hoặc mà sinh tín tâm, Ngài Trí Giả Đại Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, đắc được Đà La Ni, do đó sáng lập ra tông Thiên Thai. Chúng ta tuyệt đối đừng xem thường bộ Kinh này. Nên biết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả Tổ Sư, đều từ hoa quả trong bộ Kinh này mà sinh ra.

Giáo tướng của bộ Kinh này là gì? Giáo tướng của Kinh này là đề hồ, trong năm thời tám giáo, tướng của Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn đều thuộc đề hồ. Đề hồ là từ sữa bò, do sữa sinh ra lạc, do lạc sinh ra tô, từ tô sống ra tô chín, từ tô chín ra đề hồ. Cho nên, đề hồ là vị ngon thơm hạng nhất, đó chỉ là một ví dụ. Mọi người nghe được bộ Kinh này, thì đồng như nếm được pháp vị diệu nhất, ngon nhất, trên hết thảy, vì toàn Kinh chữ đều bao hàm diệu nghĩa vô cùng, phải nhất tâm thọ trì làm chủ thì sẽ đắc được lợi ích vô tận.

Bộ Kinh này, do Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, dịch vào thời Diêu Tần. Diêu Tần là thời kỳ Đông Tấn tại Trung Quốc, lúc ban đầu do Phù Kiên thống trị. Từ Hán Cao Tổ diệt Tần về sau, đến nhà Tấn có những người còn hoài niệm về nhà Tần. Cho nên Phù Kiên (người sau của Tần Thủy Hoàng) tổ chức một bang phái gọi là Tần Bang. Lập một nước ở tại Trường An gọi là Phù Tần. Lúc đó Khâm Thiên Giám (nhà thiên văn học) thấy ở trên bầu trời Ấn Độ có vì sao trí. Do đó, mới nói với Phù Kiên rằng, đương thời ở Tây vực (Ấn Độ) có bậc đại trí huệ, tương lai sẽ đến Trung Quốc, sẽ ủng hộ cho Trung Quốc. Phù Kiên nói:"Ta biết người này nhất định là Cưu Ma La Thập, chúng ta hãy đem binh đi bắt Ngài đem về!"

Do đó, phái đại tướng quân Lữ Quang, dẫn bảy vạn nhân mã đánh nước Quy Từ Tây Vực (nay là một khu vực nhỏ cạnh bên Tân Cương của Trung Quốc), phải bắt lấy Pháp Sư Cưu Ma La Thập đem về. Khi Lữ Quang chưa đến nước Quy Từ, thì Pháp Sư Cưu Ma La Thập nói với vua nước Quy Từ rằng:"Hiện nay Trung Quốc xuất binh đánh chúng ta, mục đích chẳng phải tranh đất đai, Ngài nên giảng hòa với Trung Quốc, bất cứ điều kiện gì đều đáp ứng họ". Song, vua nước Quy Từ chẳng nghe lời của Ngài Cưu Ma La Thập. Khi quân đội của Lữ Quang đến, thì ông ta đốt lửa đánh nhau với. Quân đội của Trung Quốc hùng mạnh, đánh thắng nước Quy Từ nhỏ yếu này rất dễ dàng, giết chết vua nước Quy Từ. Bổn lai vua nước Quy Từ rất là hạnh phúc, nhưng tại sao ông ta bị quân đội Trung Quốc giết chết? Vì tiền kiếp nghiệp sát của ông ta quá nặng, cho nên định nghiệp không thể chuyển, không cách chi trốn tránh nghiệp báo xảy đến.

Diệt được nước Quy Từ rồi, Lữ Quang đem Ngài Cưu Ma La Thập về ở tạm tại Tây Lương, thì nghe nói trong nước phát sinh biến cố. Phù Kiên đã bị Diêu Trường giết chết. Diêu Trường lên làm Diêu Tần Hoàng Đế (vì ông ta họ Diêu, cho nên cải đổi triều đại Phù Tần thành Diêu Tần). Lữ Quang bèn ở tại đất Lương hạ trại tại chỗ trũng. Ngài Cưu Ma La Thập nói với Lữ Quang rằng:"Tuyệt đối đừng hạ trại ở chỗ này, chỗ này chủ nguy hiểm lắm. Khi nước lớn xuống thì sẽ ngập chìm hết toàn quân". Lữ Quang nói:"Ngài là người xuất gia, hiểu biết gì về việc bày binh bố trận? Hạ trại tại chỗ này sao lại bị ngập chìm chết? Ngài đừng lo lắng!" Vì anh ta chẳng nghe lời Ngài Cưu Ma La Thập, quả nhiên nửa đêm nước lũ từ trên núi tràn xuống, thế nước dữ dội làm chết hết năm sáu ngàn binh lính.

Sáng ngày sau, anh ta mới biết Ngài Cưu Ma La Thập là người có thần thông. Từ đó anh ta rất khâm phục, rất tin tưởng Ngài Cưu Ma La Thập. Vì Lữ Quang nghe nói Diêu Trường đã giết Phù Kiên, do đó anh ta án binh bất động tại Tây Lương, qua hai năm Diêu Trường chết, con là Diêu Hưng lên kế vị. Diêu Hưng biết trước kia Phù Kiên phái Lữ Quang đi bắt Ngài Cưu Ma La Thập về kinh, nhưng Lữ Quang không chịu, do đó Diêu Hưng phát binh đánh Lữ Quang, vừa lúc đó Lữ Quang qua đời, con là Lữ Long lên thay. Hai bên đánh với nhau, quân đội Lữ Long bị thua. Lúc đó, mới thỉnh Ngài Cưu Ma La Thập về Trường An, làm công tác phiên dịch Kinh điển. Công tác phiên dịch Kinh điển rất to tác khó khăn. Tại sao Phù Kiên muốn Lữ Quang đi bắt Cưu Ma La Thập đem về?

Tại sao Diêu Hưng lại phát binh đi tiếp Ngài Cưu Ma La Thập? Vì lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập đức cao vọng trọng, ai ai cũng đều khâm phục kính ngưỡng Ngài. Ngài còn là nhân tài phiên dịch Kinh điển hay nhất, cho nên Diêu Hưng bắt Ngài đến Trung Quốc để phiên dịch Kinh điển. Đó là nguyên nhân Ngài Cưu Ma La Thập đến Trung Quốc.

Nhân duyên bản thân của Ngài Cưu Ma La Thập cũng rất kỳ diệu. Phụ thân của Ngài là Cưu Ma La Viêm, là con của thừa tướng một nước ở Trung Ấn Độ, bổn lai Cưu Ma La Viêm có thể kế thừa chức thừa tướng, nhưng ông ta không muốn làm quan, mà muốn xuất gia tu đạo. Do đó, đi các nơi du học, đi khắp các nơi tìm minh sư. Vì phụ thân của ông ta là thừa tướng, cho nên đến đâu thì mọi người đều hoan nghênh, khi ông ta đi đến nước Quy Từ, thì không những vua nước Quy Từ ra ngoài xa đón, mà còn mời ông ta dùng yến tiệc ở trong cung. Vua có người em gái tên là Kì Bà, khi thấy Cưu Ma La Viêm thì không nỡ rời xa. Kì Bà rất thông minh, khinh thường đàn ông của nước mình, cho rằng họ đều xấu chẳng hợp với cô ta, nhưng lần này thấy Cưu Ma La Viêm bèn động tâm.

Tuy nhiên, cô ta chẳng nói với anh của cô ta, nhưng vua nước Quy Từ cũng là người thông minh, vua biết em gái mình, rất có hảo cảm đối với Cưu Ma La Viêm, do đó, gả Kì Bà cho Cưu Ma La Viêm. Chẳng bao lâu thì Kì Bà thọ thai, thì chuyện kỳ lạ cũng phát sinh. Kì Bà vốn không hiểu ngôn ngữ Ấn Độ, nhưng khi mang thai Ngài Cưu Ma La Thập, thì không những nghe được mà còn nói được tiếng Phạn, còn có tài năng biện tài vô ngại. Đương thời có vị A La Hán nói với mọi người rằng:"Đứa trẻ ở trong bụng của bà này, nhất định chẳng phải tầm thường, là người có đại trí huệ. Trước kia, đệ tử của đức Phật là Ngài Xá Lợi Phất ở trong bụng mẹ, thì mẹ của Ngài cũng có trí huệ biện tài vô ngại, đại khái đứa trẻ này cũng như Xá Lợi Phất". Đó là lúc Ngài Cưu Ma La Thập ở trong bụng mẹ, giúp cho mẹ của Ngài tăng thêm trí huệ.

Mẹ của Ngài sinh Ngài ra rồi, qua ba năm sau lại sinh một người con nữa. Từ đó trở đi, mẹ của Ngài luôn luôn đến Chùa nghe Kinh, vì căn cơ của bà ta sâu dày, nghe Pháp Sư thuyết pháp: Người ở trên thế gian đều là khổ, không, vô thường, vô ngã thì bà ta phát tâm muốn xuất gia. Nhưng phụ thân của Ngài Cưu Ma La Thập không cho xuất gia vì tham luyến vợ đẹp, tài sản và địa vị, không những mình chẳng muốn xuất gia trở lại, mà cũng chẳng cho vợ xuất gia. Nhưng Kì Bà đã quyết tâm muốn xuất gia, bà ta phát nguyện nói: "Nếu không được xuất gia thì tôi sẽ nhịn đói mà chết". Do đó, bà ta chẳng ăn uống gì, ban đầu bà ta không ăn thì Cưu Ma La Viêm nghĩ chẳng hề gì, nhưng đến ngày thứ sáu thì thấy sự việc chẳng xong, nếu không cho bà ta xuất gia, thì không nỡ để bà ta chết đói, cho nên bèn nói với bà ta:"Tôi cho bà đi xuất gia, nhưng bà trước phải ăn uống đã!" Song, bà

ta nói: "Ông đã cho phép tôi xuất gia thì trước phải xuống tóc cho tôi, sau đó tôi mới ăn.

Nếu không xuống tóc, đợi tôi ăn xong thì ông không cho tôi xuất gia, lúc đó biết làm sao?" Cưu Ma La Viêm thấy tình hình như vậy, bất đắc dĩ mới đi thỉnh Hòa Thượng trụ trì ở Chùa gần đó đến xuống tóc cho bà ta. Xuống tóc rồi bà ta mới ăn uống, chính thức bắt đầu đời sống của người xuất gia, học tập Phật pháp. Học tập Phật pháp nhất định phải có tâm chân thành; nếu chẳng có tâm thành, thì dù học bao lâu cũng chẳng thành tựu. Vì bà ta quá thành tâm, dù chết cũng muốn xuất gia, xem thường sống chết, buông xả tất cả mọi thứ, cho nên "tĩnh cực quang thông đạt", linh quang của bà ta hiện thông, mà chứng được sơ quả.

Kì Bà chứng được sơ quả rồi, thì dẫn Ngài Cưu Ma La Thập đến Chùa lễ Phật. Ngài Cưu Ma La Thập lúc đó, là cậu bé chỉ mới bảy tuổi. Khi vào Chùa thấy họ lạy Phật, Ngài cũng lạy Phật, thấy họ thắp hương, cũng thắp hương; lại thấy ở trước bàn Phật có lư hương thật lớn, nhẹ nhất nặng cũng khoảng hơn trăm lạng, nhưng Ngài chẳng phí chút sức lực, bèn bưng lư hương lớn đó để lên đầu, rồi nghĩ:"Ta chỉ là cậu bé bảy tuổi, sao lại có thể bưng nổi lư hương lớn nặng như thế này?" Trong tâm Ngài vừa mới sinh tâm suy lường phân biệt, thì cảm thấy lư hương đó nặng như ngàn cân, chẳng chịu nổi được nữa, bèn buông lư hương rớt xuống đất. Do đó, Ngài Cưu Ma La Thập ngộ được tất cả trên thế gian đều do tâm tạo. Trước khi Ngài chưa sinh tâm suy lường phân biệt, thì lư hương nặng mà chẳng cảm thấy nặng, nhưng khi sinh tâm phân biệt rồi, thì không nặng cũng nặng trở lại. Ngài ngộ được "tất cả do tâm tạo ".

Sau đó, Ngài theo mẹ đi xuất gia, lạy Bàn Đồ Bồ Đạt Đa làm thầy, tu học theo tiểu thừa, mỗi lần đọc tụng một ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi sáu chữ, cho nên mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ (số mục này gấp hơn ba mươi lần Chú Lăng Nghiêm). Ngài mới bảy tuổi, mà mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ, sự thông minh trí huệ này, chẳng phải người thường có thể sánh được. Vì Ngài học nhanh như thế, chẳng bao lâu thì học hết toàn bộ Kinh điển tiểu thừa, không những như thế mà Ngài còn học pháp thế gian như: y dược, chiêm tinh, bói quẻ .v.v.. Học hết pháp tiểu thừa và học vấn thế gian rồi, Ngài đến Ấn Độ học pháp đại thừa. Khi học pháp tiểu thừa, thì Ngài cảm thấy Kinh điển tiểu thừa rất vi diệu. Về sau học pháp đại thừa, mới biết pháp đại thừa là diệu trong diệu, không thể nghĩ bàn. Ngài rất thông minh, lại siêng tu, do đó sở học Kinh điển và học vấn vừa nhiều vừa nhanh chóng. Đó là giai đoạn Ngài Cưu Ma La Thập học Phật pháp.

Khi Ngài học Kinh điển đại thừa viên mãn rồi, Ngài trở về nước Quy Từ hoằng pháp, giáo hóa chúng sinh. Vì Ngài khác lạ hơn người, cho nên mọi người đều biết, đó là một vị Pháp sư lỗi lạc. Đương thời, có vị luận sư cho rằng, trên thế gian này chẳng có ai biện luận thắng được ông ta. Một ngày nọ, ông ta thách thức ra thông cáo nói:"Nếu bất cứ người nào biện luận thắng ta, thì ta sẽ cắt đầu của ta xuống để tạ ơn người đó". Lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập đi ngang qua đó, nghe luận sư nói như thế, thì hỏi ông ta hai vấn đề, song vị luận sư này bí lối, nói chẳng ra lời. Đáng lẽ ông ta phải chém đầu để đa tạ, nhưng lúc đó xả chẳng đặng chém đầu, do đó lạy Ngài Cưu Ma La Thập làm thầy, học tập Phật pháp.

Không lâu Ngài Cưu Ma La Thập trở về nước cậu của Ngài (nước Quy Từ). Cậu của Ngài rất cung kính Ngài, dùng vàng tạo tòa sư tử thỉnh Ngài Cưu Ma La Thập, đăng đàn giảng Kinh thuyết pháp. Nhưng lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập có ý định chuẩn bị đi độ thầy tiểu thừa của Ngài (Bàn Đà Đồ Đạt Đa). Vì có rất nhiều người tín ngưỡng thầy tiểu thừa của Ngài, nếu độ được ông ta, thì cũng có thể độ được rất nhiều người đến học pháp đại thừa. Cho nên cậu của Ngài vì Ngài tạo tòa sư tử bằng vàng, mà Ngài có ý định muốn ra đi đến độ thầy của Ngài. Do đó, cậu của Ngài định sẽ khởi ấn tượng chẳng tốt đối với Ngài. Định sẽ nghĩ thế này:"Ngài là cháu ngoại tộc, chẳng có chút tình cảm nào, ta rất cung kính đối với Ngài, còn vì Ngài tạo tòa bằng vàng, mà cuối cùng chẳng giữ Ngài lại được". Nhưng vừa đúng lúc đó, Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa đến nước Quy Từ, cho nên Ngài Cưu Ma La Thập và vua đều đi ra ngoài xa đón rước.

Vua hỏi Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa rằng:"Tại sao xa xôi mà Ngài đến nước của ta?" Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa nói:"Thứ nhất, tôi nghe nói vua rất tin Phật pháp, cung kính Tam Bảo, cho nên tôi đến để gặp bệ hạ. Thứ hai, tôi nghe nói Cưu Ma La Thập, pháp sư bây giờ pháp duyên thịnh đại, cho nên tôi đến thăm". Do đó, vua thỉnh Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa vào cung ở với Ngài Cưu Ma La Thập. Ngài Cưu Ma La Thập thấy thầy của Ngài đã đến, bèn vì ông ta giảng "Kinh Đức Nữ Sở Vấn" (Đức Nữ Sở Vấn đại thừa Phật giáo đạo lý). Giảng xong thì thầy của Ngài nói:"Ông cảm thấy giáo lý đại thừa có chỗ nào cao siêu? có chỗ nào đặc biệt? Ông bỏ tiểu thừa mà học đại thừa, giáo lý đại thừa là nói về không, không tức là gì cũng chẳng có, ông học nó có ích gì? Không, vốn là không, sao ông lại đi học?" Ngài Cưu Ma La Thập nói:"Trong (cái) không lại có (cái) có ; trong chân không mới có diệu hữu, trong diệu hữu tức cũng là chân không. Pháp đại thừa mới là pháp cứu kính triệt để, chẳng giống như tiểu thừa, có quá nhiều danh tướng, quá câu thúc, chẳng đắc được giải thoát".

Sư phụ của Ngài đáp:"Bây giờ ta đưa ví dụ ra để bác đạo lý của ông nói. Ví như: có người cuồng nhờ một người thợ dệt để dệt cho y, dệt xong một tấm lụa mịn vô cùng đưa cho người cuồng xem, nhưng người cuồng còn chê là thô nói:"Dệt chưa được khéo lắm". Lúc đó người thợ dệt gạt người cuồng nói:"Anh nói tấm này thô, bất quá bây giờ tôi còn có một tấm lụa mịn đẹp ở trong hư không". Thợ dệt lấy tay chỉ vào hư không kêu người cuồng xem, người cuồng nhìn chẳng thấy bèn nói: "Chẳng có! Trong hư không chẳng có tơ lụa gì hết!" Người thợ dệt đáp:"Tấm lụa đó ở trong hư không, mịn tinh vi lắm, dù tôi là thợ dệt cũng nhìn chẳng thấy, huống gì anh chẳng phải là thợ dệt, thì làm sao nhìn thấy được!" Người cuồng nghe nói cho rằng rất có lý, do đó thưởng cho người thợ dệt một số vàng. Về sau, rất nhiều thợ dệt cũng như thế, đến gạt người cuồng nói:"Sự dệt lụa của tôi ở trong hư không rất tinh vi, mịn nhuyễn vô cùng, chẳng có ai có thể sánh được". Người cuồng nghe nói thì cũng cho họ rất nhiều tiền. Pháp đại thừa mà ông nói tức là không, trong không mới có diệu hữu, mà nhìn chẳng thấy, giống như ví dụ vừa rồi".

Ngài Cưu Ma La Thập nói chẳng phải, do đó lại vì thầy của Ngài giảng rất nhiều diệu pháp đại thừa, và biện luận hơn một tháng mới thuyết phục được thầy tiểu thừa của Ngài. Lúc đó, Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa hiểu đạo lý chân không diệu hữu của đại thừa rồi, nói với Ngài Cưu Ma La Thập:"Bây giờ ta phải lạy ông làm thầy". Ngài Cưu Ma

La Thập nói:"Đó thì không được, trước kia tôi lạy thầy làm thầy, bây giờ sao thầy lại lạy tôi làm thầy?" Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa nói:"Tôi là thầy tiểu thừa của ông, ông là thầy đại thừa của tôi, ai nấy đều có thầy của thừa đó, đó chẳng có gì quan hệ". Ông ta nói như thế thì Ngài Cưu Ma La Thập thu thầy của Ngài làm đệ tử. Từ câu chuyện Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa trở lại lạy đệ tử làm thầy, chúng ta có thể biết người xưa chẳng có "ngã tướng" (cái ta), mà là lấy đạo làm thầy, chỉ cần đạo đức của bạn cao hơn tôi, thì tôi lạy bạn làm thầy mà chẳng có quan niệm về ngã tướng (tướng ta).

Khi Ngài Cưu Ma La Thập ở nước Quy Từ, thì có một lần thời tiết hạn hán, không mưa, lúc đó Ngài hiển thần thông cầu mưa, Ngài bày pháp đàn rồi, tiên đoán nội trong ba ngày, chắc chắn sẽ có mưa, quả nhiên đến ngày thứ ba thì mưa xuống, cho nên phần đông nhân dân càng thêm cung kính tín ngưỡng Ngài Cưu Ma La Thập. Từ đó, có nhiều vị quốc vương thỉnh mời Ngài Cưu Ma La Thập đăng đàn giảng Kinh thuyết pháp, dùng thân làm tòa ngồi ; tức là ông vua dùng thân thể của mình làm tòa, để cho Ngài Cưu Ma La Thập ngồi lên giảng Kinh thuyết pháp. Đó là biểu thị sự cung kính, sùng bái nhất đối với Phật pháp. Ngài Cưu Ma La Thập đi khắp nơi xứ Ấn Độ giảng Kinh thuyết pháp, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh. Lúc thiếu thời, Ngài theo mẹ đi các nơi tham phương, thì gặp một vị La Hán.

Vị La Hán này nói với mẹ của Ngài:"Bà phải bảo hộ chú tiểu Sa Di này, chú tiểu Sa Di này chẳng phải người thường. Nếu chú tiểu này đến ba mươi tuổi mà không phá giới, chuyên cần giữ gìn giới luật, thì sẽ giáo hoá độ được rất nhiều người, như tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa". Ngài Cưu Ma La Thập rất tin lời của vị La Hán nói với mẹ của Ngài. Mẹ của Ngài chứng đến tam quả A La Hán rồi, quán sát biết được tương lai nhân duyên con của mình, cho nên nói với Ngài:"Tương lai con sẽ độ chúng sinh ở đông độ (Trung Quốc), nhưng đối với thân con bất lợi vô cùng". Ngài Cưu Ma La Thập nói:"Chỉ cần con lưu truyền hoằng dương Phật pháp đến đông độ, thì bất cứ gian nan khốn khổ cách mấy con cũng phải thực hành. Vì Bồ Tát phát tâm không vì mình, chỉ vì chúng sinh". Đó là lúc đó Ngài Cưu Ma La Thập đã phát đại bồ đề tâm, muốn hoằng dương Phật pháp đến Trung Quốc.

Bây giờ, nói về tình hình khi Lữ Quang bắt Ngài Cưu Ma La Thập đưa về Tây Lương. Lúc đó, Lữ Quang có một cận thần tên là Trương Tri bị bệnh nặng, có một vị Bà La Môn gạt nói y có thể trị lành bệnh cho Trương Tri, nhưng Ngài Cưu Ma La Thập biết người này lường gạt, bèn nói với Lữ Quang rằng:"Dù ông bỏ ra bao nhiêu tiền cũng không thể trị lành bệnh cho Trương Tri, tôi có thể chứng minh cho ông xem. Bây giờ tôi đốt sợi chỉ ngũ sắc thành tro, sau đó bỏ vào trong nước. Nếu tro biến trở lại chỉ ngũ sắc, thì bệnh của Trương Tri không thể chữa khỏi, còn nếu tro trong nước vẫn là tro, thì Trương Tri sẽ hết bệnh". Khi thử xem thì tro chưa vào trong nước đã biến trở lại thành chỉ ngũ sắc. Không lâu quả nhiên Trương Tri qua đời, mà Lữ Quang cũng tốn một số vàng vẫn chẳng ích gì. Đó là cảnh giới thần thông của Ngài Cưu Ma La Thập, chẳng phải một số phàm phu dò biết được.

Sau khi Lữ Quang qua đời, con là Lữ Toản lên thay thế. Khi Lữ Toản đương triều năm thứ hai, thì có con heo ba đầu sinh ra, và còn có người thấy một con rồng từ phương đông thăng lên, cuộn tròn chiếm cứ ở trước cung điện, cho đến tối mới ẩn mất, Lữ Toản cho rằng đó là điềm tốt, cho nên đặt tên cho hoàng cung là "Bàn Long" (rồng cuộn tròn). Lại có người nhìn thấy một con rồng đen ở ngoài cửa thành ngự phòng, Lữ Toản lại đem tên "Cửu Cung áp" đổi lại là "Thăng Long áp". Nhưng Ngài Cưu Ma La Thập nói với Lữ Toản rằng:"Những con rồng này thị hiện là điềm xấu vô cùng, những thứ rồng này xuất hiện thì cho biết trong nước sẽ có tai nạn. Nếu lập tức tu bồi công đức thì sẽ hóa giải tai hại". Nhưng Lữ Toản quyết chí đương đầu chẳng biết sợ gì cả. Một ngày nọ, Lữ Toản đánh cờ với Ngài Cưu Ma La Thập, Lữ Toản ăn con cờ (con chốt) của Ngài và nói:"Tôi chém đầu Hồ Nô". Ngài Cưu Ma La Thập ăn con ngựa và nói:"Anh không thể chém đầu Hồ Nô mà Hồ Nô sẽ chém đầu nhà ngươi ". Ngài Cưu Ma La Thập nói lời đó là để cảnh tỉnh Lữ Toản, nhưng anh ta thủy chung chẳng ngộ. Lữ Quang có người em tên là Lữ Bảo, có con tên là Lữ Siêu, lúc nhỏ tên là Hồ Nô, Lữ Siêu lúc đó đang âm mưu muốn ám sát Lữ Toản. Chẳng bao lâu, Lữ Siêu quả nhiên giết chết Lữ Toản, lập anh là Lữ Long lên làm hoàng đế. Lúc đó, mới có người biết sự tiên đoán của Ngài Cưu Ma La Thập là đúng. Lữ Long lên ngôi tại Kinh Châu rồi, Diêu Hưng phát binh đến đánh, rước Ngài Cưu Ma La Thập trở về Trung Quốc.

Ngài Cưu Ma La Thập đến được Trường An, thì được tôn làm Quốc Sư. Ngài đứng đầu về trung tâm phiên dịch Kinh, gồm hơn tám trăm vị Tăng và các vị học giả. Ngài dịch được hơn ba trăm quyển Kinh. Chúng ta có thể chứng minh Kinh của Ngài dịch rất chính xác vô cùng. Khi Ngài Cưu Ma La Thập sắp viên tịch, Ngài yêu cầu trà tỳ (hoả thiêu) và nói:"Trong cuộc đời của tôi đã dịch rất nhiều Kinh điển, nhưng chính tôi cũng không biết trong lời Kinh có chính xác hay chăng? Nếu chính xác thì khi thiêu thân của tôi, lưỡi không bị cháy, còn nếu sai lầm thì lưỡi cũng cháy luôn". Quả nhiên thiêu xong thì thân thể cháy thành tro, duy chỉ cái lưỡi vẫn an nhiên như sống không hủy hoại. Vào đời Đường, Ngài Đạo Tuyên Luật Sư (giữ giới trong sạch, được cảm ứng chư Thiên thường đem cơm cúng dàng), có một lần Ngài hỏi chư Thiên:"Tại sao người đời thích đọc Kinh điển, do Ngài Cưu Ma La Thập dịch?" Chư Thiên đáp:"Ngài Cưu Ma La Thập đời đời đều phát nguyện: Mỗi khi Phật xuất hiện ra đời, Ngài đều lãnh trách nhiệm phiên dịch Kinh điển. Bảy vị Phật trong quá khứ cho đến hiện tại, Kinh điển đều do Ngài phiên dịch ra, rất tuyệt đối chính xác".

Ngài Cưu Ma La Thập tinh thông Tam Tạng: Kinh, luật, luận, cho nên xưng là "Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập". "Cưu Ma La Thập" là tiếng Phạn dịch là "đồng thọ". Ngài tuy là đồng tử, nhưng có đủ phong độ của bậc trưởng giả: về đức hạnh, trí huệ và phẩm học. Cho nên, Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, tức là người dịch Kinh Diệu Pháp Liên Hoa từ tiếng Phạn ra tiếng Hán

➤ ĐỌC PHẨM TIẾP THEO



KINH PHÁP HOA THÍCH TRÍ TỊNH DỊCH





► NIỆM PHẬT SÁM PHÁP

www.bothiphap.blogspot.com

vào lúc tháng 10 18, 2021 Không có nhận xét nào: 